

LIÊN ĐOÀN ĐIỀN KINH VIỆT NAM



KẾT QUẢ

GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA NĂM 2025

Lai Châu, ngày 15/06 – 25/06/2025

KẾT QUẢ THI ĐẤU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025



100m - Nam - Chung kết
2008-2009

KL U18 QG 10.90/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định 23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	10.69 PKL Trẻ (U18) QG	KT	HCV
2	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009	Đắk Lắk	11.161		HCB
3	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008	Hà Nội	11.165		HCD
4	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008	Công An Nhân Dân	11.20		
5	534	Lê Quốc Trọng	16/07/2008	Long An	11.20		
6	434	Trịnh Anh Tuấn	13/01/2008	Hải Phòng	11.34		
7	108	Huỳnh Gia Hào	18/06/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	11.38		
8	513	Giang Văn Thụy	12/01/2008	Lạng Sơn	11.40		

404

100m - Nam - Loại

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 10.90/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định 23/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
2	108	Huỳnh Gia Hào	18/06/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	11.44		Q
7	806	Phạm Nguyễn Chí Hào	01/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	11.79		
8	624	Bùi Doãn Bách	06/08/2009	Quân Đội	11.823		
6	372	Nguyễn Tiến Nghĩa	03/07/2009	Hà Nội	11.825		
5	248	Hù Triệu Vỹ	25/07/2009	Công An Nhân Dân	11.830		
1	574	Phùng Gia Huy	30/01/2009	Ninh Bình	11.91		
3	475	Danh Vũ Duy	11/07/2009	Kiên Giang	11.93		
4	200	K' Hoàng Thanh Trí	31/01/2009	Bình Thuận	12.06		
		Đợt 2					
3	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009	Đắk Lắk	11.37		Q
1	434	Trịnh Anh Tuấn	13/01/2008	Hải Phòng	11.53		Q
4	575	Trần Nhật Hải Đăng	14/08/2009	Ninh Bình	11.61		
7	845	Đậu Minh Sĩ	26/02/2009	TP. Huế	11.81		
6	174	Nguyễn Hoàng Long	19/01/2008	Bình Dương	11.94		
5	676	Trần Công Khánh	23/04/2009	Quảng Nam	11.951		
2	197	Lê Bích Khâm	28/02/2009	Bình Thuận	11.952		
8	477	Bùi Tuấn Anh	19/09/2009	Kiên Giang	12.34		
		Đợt 3					
2	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008	Công An Nhân Dân	11.47		Q
1	513	Giang Văn Thụy	12/01/2008	Lạng Sơn	11.55		Q

4	807	Ngô Võ Thanh Hùng	11/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	11.64		
3	468	Nguyễn Trần Gia Bảo	27/04/2009	Khánh Hòa	11.81		
5	289	Hoàng Gia Huy	17/08/2009	Đắk Lắk	11.90		
6	620	Trương Bảo Nam	26/01/2009	Quân Đội	12.11		
7	179	Dương Chí Thông	18/03/2008	Bình Dương	12.30		
8	520	Dương Công Trường	19/02/2005	Lạng Sơn	11.22		Kiểm tra
		Đợt 4					
6	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	10.84	C1	Q
2	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008	Hà Nội	11.225		Q
3	534	Lê Quốc Trọng	16/07/2008	Long An	11.228		Q
7	619	Nguyễn Duy Anh	16/04/2009	Quân Đội	11.68		
5	808	Nguyễn Hồng Cường	05/02/2009	TP. Hồ Chí Minh	11.71		
1	478	Nguyễn An Khánh	01/05/2009	Kiên Giang	12.01		
4	195	Nguyễn Đào Tuấn Y	13/02/2008	Bình Thuận	12.26		
8	521	Nguyễn Xuân Thịnh	29/05/2005	Lạng Sơn	11.07	C1	Kiểm tra
9	253	Trần Tiến Đức	03/02/2008	Công An Nhân Dân	11.84		Kiểm tra

200m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

24/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	21.28 PKL Trẻ (U18) QG	KT	HCV
2	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008	Hà Nội	21.97 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCB
3	534	Lê Quốc Trọng	16/07/2008	Long An	22.14 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCD
4	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009	Đắk Lắk	22.33 PKL Trẻ (U18) QG	C1	
5	616	Trần Anh Duy	04/06/2009	Quân Đội	22.40	C1	
6	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008	Công An Nhân Dân	22.45	C1	
7	176	Nguyễn Hoàng Nam	04/01/2008	Bình Dương	22.73		
8	108	Huỳnh Gia Hào	18/06/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	22.78		

200m - Nam - Loại

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

24/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
2	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	21.89	C1	Q
7	616	Trần Anh Duy	04/06/2009	Quân Đội	22.41	C1	Q
8	108	Huỳnh Gia Hào	18/06/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	22.80		Q
5	290	Nguyễn Trọng Vũ	23/11/2009	Đắk Lắk	23.42		
6	808	Nguyễn Hồng Cường	05/02/2009	TP. Hồ Chí Minh	23.46		
4	475	Danh Vũ Duy	11/07/2009	Kiên Giang	23.55		
1	575	Trần Nhật Hải Đăng	14/08/2009	Ninh Bình	24.02		

3	437	Nguyễn Việt Bách	08/09/2009	Hải Phòng	24.16		
		Đợt 2					
3	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008	Hà Nội	22.51	C1	Q
5	176	Nguyễn Hoàng Nam	04/01/2008	Bình Dương	22.95		Q
8	513	Giang Văn Thụy	12/01/2008	Lạng Sơn	23.13		
2	468	Nguyễn Trần Gia Bảo	27/04/2009	Khánh Hòa	23.63		
6	248	Hù Triệu Vỹ	25/07/2009	Công An Nhân Dân	23.66		
1	618	Hoàng Thiên Hải	05/01/2009	Quân Đội	24.01		
7	675	Phan Công Bình	17/01/2008	Quảng Nam	24.16		
4	809	Hồ Quốc Dũng	26/02/2009	TP. Hồ Chí Minh	24.44		
		Đợt 3					
4	534	Lê Quốc Trọng	16/07/2008	Long An	22.46	C1	Q
3	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009	Đắk Lắk	22.62		Q
1	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008	Công An Nhân Dân	22.85		Q
8	807	Ngô Võ Thanh Hùng	11/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	22.961		
7	617	Tổng Thế Toàn	11/05/2009	Quân Đội	22.970		
6	372	Nguyễn Tiến Nghĩa	03/07/2009	Hà Nội	23.34		
2	845	Đậu Minh Sĩ	26/02/2009	TP. Huế	23.55		
5	478	Nguyễn An Khánh	01/05/2009	Kiên Giang	24.90		
		Đợt 4					
5	521	Nguyễn Xuân Thịnh	29/05/2005	Lạng Sơn	22.32	C1	Kiểm tra
3	520	Dương Công Trường	19/02/2005	Lạng Sơn	22.89		Kiểm tra
4	253	Trần Tiến Đức	03/02/2008	Công An Nhân Dân	23.31		Kiểm tra

400m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

48.77/Nguyễn Xuân Ân/2007/Hà Nội/2024/Bình Định

23/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
5	245	Tô Tuấn Tùng	08/01/2009	Công An Nhân Dân	49.99	C1	HCB
7	768	Triệu Quốc Trường	11/01/2009	Thái Nguyên	51.25		
1	177	Trần Đức Lương	11/02/2009	Bình Dương	51.44		
4	411	Nguyễn Mạnh Hào	02/01/2009	Hà Tĩnh	52.09		
3	554	Phạm Văn Chuyên	02/08/2009	Nam Định	53.53		
2	106	Nguyễn Hưng Tiến	04/06/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	57.88		
6	677	Hứa Hà Huy	10/07/2009	Quảng Nam	58.05		
		Đợt 2					
7	194	Nguyễn Minh Tâm	07/01/2008	Bình Thuận	49.55	C1	HCV
6	756	Vũ Tiến Đạt	06/01/2008	Thái Bình	50.30		
5	412	Mai Quang Giáp	05/02/2009	Hà Tĩnh	50.48		
4	367	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008	Hà Nội	51.08		
2	576	Phạm Tiến Đạt	14/10/2009	Ninh Bình	52.33		

3	811	Trần Minh Trí	14/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	54.14		
1	141	Nguyễn Bình Châu Long	23/03/2009	Bắc Ninh	56.33		
		Đợt 3					
7	365	Nguyễn Đình Tá Tuấn	27/08/2008	Hà Nội	50.60		
3	757	Vũ Minh Hiếu	01/04/2008	Thái Bình	51.17		
2	621	Lường Anh Tùng	22/05/2009	Quân Đội	51.54		
4	246	Đoàn Tuấn Minh	22/04/2008	Công An Nhân Dân	51.82		
5	476	Danh Duy Khánh	22/01/2009	Kiên Giang	52.88		
6	157	Nguyễn Thế Hoàng	21/02/2008	Bình Định	57.13		
		Đợt 4					
2	371	Tạ Gia Khánh	10/02/2009	Hà Nội	50.05	C1	HCD
3	760	Trần Duy Chiến	19/05/2009	Thái Bình	51.04		
4	175	Nguyễn Bùi Thanh Bình	29/01/2008	Bình Dương	52.01		
7	247	Lưu Hoàng An	29/06/2008	Công An Nhân Dân	52.17		
5	474	Trần Bảo Châu	11/02/2009	Kiên Giang	52.83		
6	663	Võ Xuân Hiệu	15/05/2009	Quảng Bình	54.01		

800m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 1:55.10/Hoàng Trọng Phiên/2007/Thái Bình/2024/Bình Định 24/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	812	La Trần Ngọc Phúc	24/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	2:01.93		
2	758	Hà Minh Thái	25/12/2009	Thái Bình	2:02.16		
3	535	Trần Phước Sang	09/05/2008	Long An	2:02.42		
4	705	Lê Văn Dương	30/01/2008	Quảng Ninh	2:02.51		
5	563	Phạm Văn Đức Anh	08/02/2009	Nghệ An	2:06.51		
6	665	Nguyễn Anh Tuấn	19/03/2009	Quảng Bình	2:07.73		
7	495	Nguyễn Hải Linh	03/08/2009	Lai Châu	2:09.08		
8	158	Phan Hoàng Phát	02/03/2008	Bình Định	2:09.33		
9	430	Phạm Trọng Dương	20/02/2009	Hải Dương	2:09.43		
10	417	Phan Đăng Khoa	02/01/2009	Hà Tĩnh	2:09.84		
11	199	Bùi Mạnh Hùng	05/05/2008	Bình Thuận	2:09.85		
12	328	Thái Phong Đạt	12/05/2009	Đồng Tháp	2:17.75		
13	879	Nguyễn Văn Luân	08/02/2009	Vĩnh Phúc	2:21.24		
		Đợt 2					
1	193	Mai Xuân Bản	16/02/2008	Bình Thuận	1:59.24		HCV
2	485	Hoàng Văn Đạt	12/01/2008	Kon Tum	2:00.23		HCB
3	749	Trịnh Đình Quân	05/01/2009	Tây Ninh	2:01.03		HCD
4	317	Nguyễn Hữu Tình	08/02/2008	Đồng Nai	2:03.52		
5	770	Tơ Thanh Hoàng	25/09/2009	Thái Nguyên	2:05.53		
6	843	La Quốc Cường	15/05/2009	TP. Huế	2:06.38		

7	494	Lò Văn Long	07/08/2009	Lai Châu	2:07.37		
8	550	Đỗ Đức Thắng	24/05/2008	Nam Định	2:08.58		
9	664	Dương Ngọc Linh	04/02/2009	Quảng Bình	2:10.99		
10	416	Phạm Việt Quang	28/04/2009	Hà Tĩnh	2:13.21		
11	342	Nguyễn Xuân Đạt	19/10/2009	Gia Lai	2:15.73		
12	689	Trần Văn Bảo	10/08/2009	Quảng Ngãi	2:15.93		
13	880	Cao Xuân Tú	24/07/2009	Vĩnh Phúc	2:16.23		

1500m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

4:08.63/Nguyễn Hoàng Thịnh/2007/Đồng Nai/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	116	Vũ Minh Thắng	17/02/2008	Bắc Giang	4:11.79		HCV
2	704	Bùi Đức Hưng	05/08/2008	Quảng Ninh	4:11.81		HCB
3	666	Trần Bá Cường	10/02/2008	Quảng Bình	4:15.11		HCD
4	432	Nguyễn Văn Anh Đức	14/09/2009	Hải Dương	4:19.81		
5	318	Phan Tuấn Trường	06/08/2008	Đồng Nai	4:20.02		
6	198	Bích Hữu Tiến	06/03/2009	Bình Thuận	4:23.59		
7	813	Bùi Quốc Thành	15/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	4:23.84		
8	687	Dương Cao Thiên Hoàng	06/04/2009	Quảng Ngãi	4:26.45		
9	107	JULHIARD PHILIPPE Bảo Đại	06/07/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	4:27.14		
10	497	Lò Văn Việt	01/02/2009	Lai Châu	4:30.83		
11	418	Đặng Quang Huy	03/02/2009	Hà Tĩnh	4:32.97		
12	159	Trần Nhật Hào	10/01/2009	Bình Định	4:33.00		
13	369	Nguyễn Đỗ Thắng	11/06/2008	Hà Nội	4:33.46		
14	493	Hoàng Văn Nam	16/02/2009	Lai Châu	4:36.91		
15	688	Võ Anh Khoa	13/03/2009	Quảng Ngãi	4:54.04		

5000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

15:53.77/Dương Minh Hùng/2007/Quân Đội/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	611	Giáp Huy Hoàng	23/01/2008	Quân Đội	15:53.12 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	491	Bùi Tuấn Tú	07/01/2009	Lai Châu	15:54.57		HCB
3	625	Lương Đức Trung	29/08/2009	Quân Đội	15:58.95		HCD
4	209	Nguyễn Trung Hiếu	09/09/2008	Cần Thơ	16:07.44		
5	363	Lại Duy Mạnh	09/06/2009	Hà Nam	16:25.31		
6	496	Lò Văn Biên	19/02/2008	Lai Châu	16:28.29		
7	341	Trần Minh Tú	11/09/2009	Gia Lai	16:42.01		
8	686	Đinh Quang Vĩnh	04/02/2009	Quảng Ngãi	16:51.87		
9	298	Dương Văn Mạnh	08/02/2009	Đắk Nông	16:56.67		
10	492	Tòng Văn Tiến	08/02/2009	Lai Châu	17:01.28		
11	178	Nguyễn Phạm Nghĩa	10/10/2008	Bình Dương	17:06.68		

12	514	Nguyễn Văn Quý	29/10/2009	Lạng Sơn	17:07.25		
13	431	Nguyễn Minh Tuấn	15/04/2009	Hải Dương	17:08.83		
14	319	Phạm Quốc Khánh	04/06/2009	Đồng Nai	17:15.54		
15	783	Hà Đức Thắng	27/10/2008	Thanh Hóa	17:22.93		
16	415	Nguyễn Mậu Tài	26/03/2008	Hà Tĩnh	17:30.29		
17	160	Trần Dương Bảo Khánh	27/05/2009	Bình Định	17:50.26		
18	119	Giáp Minh Hiếu	19/07/2009	Bắc Giang	18:21.74		
19	814	Nguyễn Bá Phát	06/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	18:26.49		
21	479	Lê Ngọc Huy Hoàng	16/11/2009	Kiên Giang	18:49.15		
22	161	Huỳnh Đức Cường	27/08/2009	Bình Định	19:09.15		
22	286	Hoàng Minh Phương	28/04/2008	Đắk Lắk	DNS		

110m rào (0,914m) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

14.00/Đặng Văn Hoàn/2007/Quân Đội/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	610	Bùi Tuấn Hùng	11/04/2008	Quân Đội	15.03		HCV
2	288	Vì Xuân Hiếu	31/03/2009	Đắk Lắk	15.23		HCB
3	622	Bùi Tuấn Điệp	20/05/2009	Quân Đội	15.30		HCD
4	675	Phan Công Bình	17/01/2008	Quảng Nam	15.52		
5	173	Nguyễn Anh Duy	11/09/2008	Bình Dương	15.55		
6	623	Bùi Ngọc Hoàng	22/02/2009	Quân Đội	15.90		

400m rào (0,838m) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

54.67/Nguyễn Minh Tuấn/2007/Hà Tĩnh/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	782	Quách Ngọc Minh	05/10/2008	Thanh Hóa	53.53 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	413	Hà Thái An	12/04/2008	Hà Tĩnh	55.05		HCB
3	171	Ngô Thanh Phương	14/01/2008	Bình Dương	56.31		HCD
4	269	Nguyễn Tấn Tài	06/12/2009	Đà Nẵng	57.23		
5	270	Nguyễn Đức Quang	09/04/2009	Đà Nẵng	57.66		
6	414	Nguyễn Văn Đức	05/07/2009	Hà Tĩnh	57.70		
7	551	Phạm Xuân Khang	19/02/2009	Nam Định	58.40		
8	573	Nguyễn Quốc Thịnh	15/09/2008	Ninh Bình	58.68		

Đi bộ 5000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

26:10.71/Trần Văn Đức/2008/Nghệ An/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	685	Nguyễn Thanh Hải	01/07/2008	Quảng Ngãi	24:48.15 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	562	Trần Văn Đức	12/10/2008	Nghệ An	26:08.58 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	368	Nguyễn Thanh Tùng	12/11/2009	Hà Nội	26:59.82		HCD

4	769	Trương Anh Tuấn	14/06/2009	Thái Nguyên	27:14.25		
5	210	Lê Quang Thịnh	11/07/2009	Cần Thơ	28:49.59		
6	767	Phạm Ngọc Hoàng	09/01/2008	Thái Nguyên	31:34.15		
7	766	Sầm Minh Huân	10/11/2008	Thái Nguyên	DNF		
	690	Đinh Tấn Ly Bíc	25/09/2007	Quảng Ngãi	27:14.25		Kiểm tra

Nhảy cao - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

1.93m/Nguyễn Hữu Tín/2008/Bạc Liêu/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	131	Nguyễn Hữu Tín	21/03/2008	Bạc Liêu	1.97m PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	155	Nguyễn Thanh Phong	18/10/2008	Bến Tre	1.95m PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCB
3	815	Huỳnh Thịnh	27/09/2008	TP. Hồ Chí Minh	1.93m		HCD
4	132	Trương Đăng Khoa	08/10/2009	Bạc Liêu	1.93m		
5	614	Dương Hồng Phước	23/01/2009	Quân Đội	1.88m		
6	207	Nguyễn Anh Thư	09/09/2009	Cà Mau	1.88m		
7	816	Nguyễn Duy Thắng	25/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	1.85m		
8	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	1.80m		
9	435	Nguyễn Văn Hưng	04/01/2008	Hải Phòng	1.80m		

Nhảy xa - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

6.80m/Võ Thành Đạt/2007/An Giang/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	572	Đinh Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	6.81m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	436	Lương Trung Đức	02/07/2009	Hải Phòng	6.60m		HCB
3	577	Hoàng Văn Tuấn	10/03/2009	Ninh Bình	6.57m		HCD
4	196	Nguyễn Ngọc Linh	08/03/2009	Bình Thuận	6.57m		
5	870	Huỳnh Thanh Tâm	11/03/2008	Vĩnh Long	6.50m		
6	552	Bùi Ngọc Minh Hưng	03/05/2009	Nam Định	6.42m		
7	600	Hà Thanh Toàn	29/08/2009	Phú Thọ	6.39m		
8	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	6.36m		
9	291	Trần Chí Đại	14/05/2009	Đắk Lắk	6.30m		
10	172	Phạm Minh Nhựt	07/02/2008	Bình Dương	6.29m		
11	615	Nguyễn Trường Hải	29/07/2009	Quân Đội	6.20m		
12	173	Nguyễn Anh Duy	11/09/2008	Bình Dương	6.17m		
13	819	Lâm Chí Thành	09/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.14m		
14	469	Nguyễn Tấn Dũng	31/10/2009	Khánh Hòa	6.11m		
15	153	Nguyễn Minh Tiến	29/03/2009	Bến Tre	6.11m		
16	375	Trần Quốc Hùng	04/03/2009	Hà Nội	6.04m		
17	818	Đinh Mạnh Vũ	10/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	6.04m		
18	471	Trần Ngọc Khánh	25/04/2009	Khánh Hòa	5.96m		

19	676	Trần Công Khánh	23/04/2009	Quảng Nam	5.95m		
20	428	Nguyễn Vũ Khánh	05/11/2009	Hải Dương	5.94m		
21	320	Nguyễn Hoài An	15/05/2009	Đồng Nai	5.88m		
22	435	Nguyễn Văn Hưng	04/01/2008	Hải Phòng	5.70m		
23	288	Vi Xuân Hiếu	31/03/2009	Đắk Lắk	5.32m		
24	350	Hạng Mí Hồ	23/03/2009	Hà Giang	5.29m		
25	349	Sùng Mí Hòa	26/02/2009	Hà Giang	5.24m		
	154	Dương Gia Bảo	31/07/2008	Bến Tre	-		

Nhảy 3 bước - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

14.51m/Nguyễn Thái Lợi/2007/Bình Thuận/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	196	Nguyễn Ngọc Linh	08/03/2009	Bình Thuận	13.75m		HCV
2	615	Nguyễn Trường Hải	29/07/2009	Quân Đội	13.47m		HCB
3	172	Phạm Minh Nhựt	07/02/2008	Bình Dương	13.09m		HCD
4	870	Huỳnh Thanh Tâm	11/03/2008	Vĩnh Long	13.02m		
5	375	Trần Quốc Hùng	04/03/2009	Hà Nội	12.95m		
6	471	Trần Ngọc Khánh	25/04/2009	Khánh Hòa	12.94m		
7	818	Đinh Mạnh Vũ	10/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	12.78m		
8	819	Lâm Chí Thành	09/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	12.76m		
9	600	Hà Thanh Toàn	29/08/2009	Phú Thọ	12.45m		

Đẩy tạ (5kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

14.80m/Phạm Văn Hiếu/2008/Đà Nẵng/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	612	Nguyễn Văn Bảo Hường	13/09/2008	Quân Đội	17.38m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	265	Phạm Văn Hiếu	02/06/2008	Đà Nẵng	15.79m PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	869	Huỳnh Quốc Vĩnh	09/04/2008	Vĩnh Long	15.61m PKL Trẻ (U18) QG		HCD
4	266	Mai Xuân Minh Trí	02/06/2009	Đà Nẵng	15.41m PKL Trẻ (U18) QG		
5	820	Trương Tuấn Khang	07/04/2009	TP. Hồ Chí Minh	14.36m		
6	361	Lại Đức Anh	15/10/2009	Hà Nam	13.35m		
7	750	Ngô Gia Huy	16/10/2009	Tây Ninh	13.10m		
8	729	Lò Văn Lâm	26/10/2008	Sơn La	12.59m		
9	425	Trần Sơn	16/03/2008	Hải Dương	11.14m		
10	366	Cao Hoàng Minh Đức	27/01/2009	Hà Nội	DNS		

Ném đĩa (1,5kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

45.89m/Phan Văn Anh Kiệt/2007/Quảng Trị/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	265	Phạm Văn Hiếu	02/06/2008	Đà Nẵng	48.86m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	266	Mai Xuân Minh Trí	02/06/2009	Đà Nẵng	39.54m		HCB

3	361	Lại Đức Anh	15/10/2009	Hà Nam	38.93m		HCD
4	715	Hoàng Phan Gia Bảo	24/10/2008	Quảng Trị	37.87m		
5	871	Nguyễn Ngọc Hà	22/03/2009	Vĩnh Long	36.86m		
6	716	Đoàn Chí Vỹ	03/01/2009	Quảng Trị	35.59m		
7	329	Lê Quốc Khánh	10/05/2009	Đồng Tháp	35.56m		
8	425	Trần Sơn	16/03/2008	Hải Dương	35.45m		
9	869	Huỳnh Quốc Vĩnh	09/04/2008	Vĩnh Long	34.55m		
10	820	Trương Tuấn Khang	07/04/2009	TP. Hồ Chí Minh	29.54m		
11	366	Cao Hoàng Minh Đức	27/01/2009	Hà Nội	NM		

Ném lao (700gr) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 52.29m/Lò Văn Oanh/2008/Sơn La/2024/Kon Tum 24/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	730	Lò Văn Oanh	06/05/2008	Sơn La	54.74m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	871	Nguyễn Ngọc Hà	22/03/2009	Vĩnh Long	53.90m PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	448	Bùi Văn Đông	03/02/2008	Hòa Bình	53.53m PKL Trẻ (U18) QG		HCD
4	729	Lò Văn Lâm	26/10/2008	Sơn La	49.57m		
5	613	Nông Văn Nhất	26/02/2009	Quân Đội	49.39m		
6	151	Nguyễn Minh Võ	02/07/2008	Bến Tre	48.57m		
7	449	Bùi Văn Chí	07/06/2009	Hòa Bình	42.76m		
8	152	Nguyễn Minh Khải	01/10/2009	Bến Tre	38.34m		

Tiếp sức 4x100m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 42.12/Thành-Quyết-Huy-Nguyên/CAND/2024/Bình Định 20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	246	Đoàn Tuấn Minh	22/04/2008	Công An Nhân Dân	41.64 PKL Trẻ (U18) QG	KT	HCV
	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008				
	245	Tô Tuấn Tùng	08/01/2009				
	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008				
2	365	Nguyễn Đình Tá Tuấn	27/08/2008	Hà Nội	42.12	C1	HCB
	371	Tạ Gia Khánh	10/02/2009				
	367	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008				
	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008				
3	624	Bùi Doãn Bách	06/08/2009	Quân Đội	42.30	C1	HCD
	619	Nguyễn Duy Anh	16/04/2009				
	617	Tổng Thế Toàn	11/05/2009				
	616	Trần Anh Duy	04/06/2009				
4	174	Nguyễn Hoàng Long	19/01/2008	Bình Dương	42.51	C1	
	176	Nguyễn Hoàng Nam	04/01/2008				
	173	Nguyễn Anh Duy	11/09/2008				
	172	Phạm Minh Nhựt	07/02/2008				

5	810	Hồng Gia Quý	23/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	42.98	C1	
	806	Phạm Nguyễn Chí Hào	01/08/2009				
	808	Nguyễn Hồng Cường	05/02/2009				
	807	Ngô Võ Thanh Hùng	11/04/2008				
6	290	Nguyễn Trọng Vũ	23/11/2009	Đắk Lắk	43.04	C1	
	289	Hoàng Gia Huy	17/08/2009				
	291	Trần Chí Đại	14/05/2009				
	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009				
7	435	Nguyễn Văn Hưng	04/01/2008	Hải Phòng	44.11		
	436	Lương Trung Đức	02/07/2009				
	437	Nguyễn Việt Bách	08/09/2009				
	434	Trịnh Anh Tuấn	13/01/2008				
8	478	Nguyễn An Khánh	01/05/2009	Kiên Giang	44.64		
	474	Trần Bảo Châu	11/02/2009				
	476	Danh Duy Khánh	22/01/2009				
	475	Danh Vũ Duy	11/07/2009				

Tiếp sức 4x400m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3:22.32/Tú-Huy-V.Anh-Mạnh/CAND/2024/Bình Định

19/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
6	246	Đoàn Tuấn Minh	22/04/2008	Công An Nhân Dân	3:18.57 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008				
	245	Tô Tuấn Tùng	08/01/2009				
	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008				
5	370	Lê Duy Đoàn	13/07/2008	Hà Nội	3:21.55 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCB
	365	Nguyễn Đình Tá Tuấn	27/08/2008				
	371	Tạ Gia Khánh	10/02/2009				
	367	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008				
7	756	Vũ Tiến Đạt	06/01/2008	Thái Bình	3:24.50		
	760	Trần Duy Chiến	19/05/2009				
	757	Vũ Minh Hiếu	01/04/2008				
	758	Hà Minh Thái	25/12/2009				
4	574	Phùng Gia Huy	30/01/2009	Ninh Bình	3:29.34		
	573	Nguyễn Quốc Thịnh	15/09/2008				
	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008				
	576	Phạm Tiến Đạt	14/10/2009				
2	290	Nguyễn Trọng Vũ	23/11/2009	Đắk Lắk	3:29.71		
	289	Hoàng Gia Huy	17/08/2009				
	291	Trần Chí Đại	14/05/2009				
	287	Nguyễn Quang Thống	27/05/2009				

3	813	Bùi Quốc Thành	15/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	3:38.31		
	812	La Trần Ngọc Phúc	24/08/2009				
	814	Nguyễn Bá Phát	06/08/2009				
	811	Trần Minh Trí	14/05/2008				
		Đợt 2					
3	412	Mai Quang Giáp	05/02/2009	Hà Tĩnh	3:24.13		HCD
	411	Nguyễn Mạnh Hào	02/01/2009				
	414	Nguyễn Văn Đức	05/07/2009				
	413	Hà Thái An	12/04/2008				
4	618	Hoàng Thiên Hải	05/01/2009	Quân Đội	3:27.33		
	624	Bùi Doãn Bách	06/08/2009				
	617	Tổng Thế Toàn	11/05/2009				
	616	Trần Anh Duy	04/06/2009				
6	197	Lê Bích Khâm	28/02/2009	Bình Thuận	3:30.11		
	193	Mai Xuân Bản	16/02/2008				
	200	K' Hoàng Thanh Trí	31/01/2009				
	194	Nguyễn Minh Tâm	07/01/2008				
2	176	Nguyễn Hoàng Nam	04/01/2008	Bình Dương	3:30.55		
	171	Ngô Thanh Phương	14/01/2008				
	175	Nguyễn Bùi Thanh Bình	29/01/2008				
	177	Trần Đức Lương	11/02/2009				
5	770	Tơ Thanh Hoàng	25/09/2009	Thái Nguyên	DNS		
	766	Sầm Minh Huân	10/11/2008				
	769	Trương Anh Tuấn	14/06/2009				
	768	Triệu Quốc Trường	11/01/2009				

Tiếp sức 1200m-400m-800m-1600m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

10:45.65/Ái-Dũng-Hoàng-Hùng/Quân Đội/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	199	Bùi Mạnh Hùng	05/05/2008	Bình Thuận	10:54.72	C1	HCB
	194	Nguyễn Minh Tâm	07/01/2008				
	193	Mai Xuân Bản	16/02/2008				
	198	Bích Hữu Tiến	06/03/2009				
2	756	Vũ Tiến Đạt	06/01/2008	Thái Bình	10:55.05	C1	HCD
	757	Vũ Minh Hiếu	01/04/2008				
	760	Trần Duy Chiến	19/05/2009				
	758	Hà Minh Thái	25/12/2009				
3	492	Tòng Văn Tiến	08/02/2009	Lai Châu	10:59.18	C1	
	495	Nguyễn Hải Linh	03/08/2009				
	494	Lò Văn Long	07/08/2009				
	491	Bùi Tuấn Tú	07/01/2009				

4	432	Nguyễn Văn Anh Đức	14/09/2009	Hải Dương	11:07.08		
	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008				
	430	Phạm Trọng Dương	20/02/2009				
	431	Nguyễn Minh Tuấn	15/04/2009				
5	664	Dương Ngọc Linh	04/02/2009	Quảng Bình	11:15.36		
	663	Võ Xuân Hiệu	15/05/2009				
	665	Nguyễn Anh Tuấn	19/03/2009				
	666	Trần Bá Cường	10/02/2008				
6	814	Nguyễn Bá Phát	06/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	11:24.07		
	811	Trần Minh Trí	14/05/2008				
	812	La Trần Ngọc Phúc	24/08/2009				
	813	Bùi Quốc Thành	15/01/2008				
7	119	Giáp Minh Hiếu	19/07/2009	Bắc Giang	11:25.75		
	118	Nguyễn Văn Thắng	26/01/2008				
	117	Phạm Minh Công	17/02/2008				
	116	Vũ Minh Thắng	17/02/2008				
8	373	Nguyễn Xuân Bắc	04/06/2008	Hà Nội	12:06.21		
	372	Nguyễn Tiến Nghĩa	03/07/2009				
	374	Nguyễn Gia Thiện Bảo	17/12/2008				
	369	Nguyễn Đỗ Thắng	11/06/2008				
		Đợt 2					
1	625	Lương Đức Trung	29/08/2009	Quân Đội	10:50.10	C1	HCV
	615	Nguyễn Trường Hải	29/07/2009				
	621	Lường Anh Tùng	22/05/2009				
	611	Giáp Huy Hoàng	23/01/2008				
2	319	Phạm Quốc Khánh	04/06/2009	Đồng Nai	11:14.02		
	320	Nguyễn Hoài An	15/05/2009				
	317	Nguyễn Hữu Tình	08/02/2008				
	318	Phan Tuấn Trường	06/08/2008				
3	418	Đặng Quang Huy	03/02/2009	Hà Tĩnh	11:20.96		
	413	Hà Thái An	12/04/2008				
	416	Phạm Việt Quang	28/04/2009				
	415	Nguyễn Mậu Tài	26/03/2008				
4	160	Trần Dương Bảo Khánh	27/05/2009	Bình Định	11:27.93		
	157	Nguyễn Thế Hoàng	21/02/2008				
	158	Phan Hoàng Phát	02/03/2008				
	159	Trần Nhật Hào	10/01/2009				
5	687	Dương Cao Thiên Hoàng	06/04/2009	Quảng Ngãi	11:43.60		
	688	Võ Anh Khoa	13/03/2009				
	689	Trần Văn Bảo	10/08/2009				
	686	Đinh Quang Vĩnh	04/02/2009				

6	769	Trương Anh Tuấn	14/06/2009	Thái Nguyên	12:30.11		
	768	Triệu Quốc Trường	11/01/2009				
	770	Tơ Thanh Hoàng	25/09/2009				
	767	Phạm Ngọc Hoàng	09/01/2008				
7	474	Trần Bảo Châu	11/02/2009	Kiên Giang	12:51.87		
	475	Danh Vũ Duy	11/07/2009				
	476	Danh Duy Khánh	22/01/2009				
	479	Lê Ngọc Huy Hoàng	16/11/2009				

Tổng điểm 5 môn Phối hợp - Nam

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	3691 điểm PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	3535 điểm PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	3384 điểm PKL Trẻ (U18) QG		HCD
4	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	3375 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
5	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	3257 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
6	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	3243 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
7	267	Phan Đặng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	3191 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
8	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	3122 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
9	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	3092 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
10	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	3039 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
11	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	3033 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
12	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	2897 điểm PKL Trẻ (U18) QG		
13	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	2143 điểm		
14	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	1393 điểm		

80m rào - Nam - 5 môn PH (1)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
		Đợt 1					
8	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	11.13	914	
3	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	11.42	871	
7	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	11.57	849	
4	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	11.82	813	
2	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	12.14	769	
5	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	12.24	755	
6	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	13.43	598	

		Đợt 2					
7	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	11.27	893	
3	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	11.30	889	
2	267	Phan Đăng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	11.31	886	
6	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	11.37	878	
8	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	11.57	849	
4	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	DQ	0	
5	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	FS	0	

Đẩy tạ - Nam - 5 môn PH (2)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

TT	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
1	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	12.38	629	
2	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	11.42	571	
3	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	11.32	565	
4	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	10.78	533	
5	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	10.48	518	
6	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	10.45	515	
7	267	Phan Đăng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	10.17	496	
8	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	10.13	493	
9	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	9.82	475	
10	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	9.77	472	
11	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	9.77	472	
12	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	9.64	464	
13	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	9.17	436	
14	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	8.09	372	

Nhảy xa - Nam - 5 môn PH (3)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

TT	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
1	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	6.71	746	
2	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	6.59	718	
3	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	6.36	666	
4	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	6.28	648	
5	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	6.28	648	
6	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	6.20	630	
7	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	6.11	610	
8	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	6.08	604	
9	267	Phan Đăng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	6.03	593	
10	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	5.93	571	
11	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	5.75	533	

12	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	5.70	523	
13	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	5.43	467	
14	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	5.38	457	

Nhảy cao - Nam - 5 môn PH (4)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

TT	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
1	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	1.88	696	
2	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	1.82	644	
3	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	1.82	644	
4	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	1.79	619	
5	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	1.79	619	
6	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	1.79	619	
7	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	1.70	544	
8	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	1.67	520	
9	267	Phan Đăng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	1.64	496	
10	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	1.64	496	
11	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	1.61	472	
12	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	1.61	472	
13	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	1.58	449	
14	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	1.58	449	

800m - Nam - 5 môn PH (5)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
		Đợt 1					
2	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	2:08.86	865	
7	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	2:09.89	852	
4	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	2:14.82	787	
1	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	2:15.92	773	
6	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	2:25.08	663	
3	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	2:30.75	598	
5	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	2:34.79	554	
		Đợt 2					
5	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	2:11.50	831	
7	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	2:12.19	822	
3	267	Phan Đăng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	2:20.24	720	
2	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	2:25.42	658	
4	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	2:28.99	618	
1	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	2:37.39	526	
6	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	DNF	0	

BẢNG ĐIỂM NỘI DUNG 5 MÔN PHỐI HỢP
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025
Lai Châu, từ ngày 19-24/06/2025

5 môn Phối hợp - Nam - Lứa tuổi 2008-2009
Kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia: 2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

TT	Số đeo	Họ và tên	N.sinh	Đơn vị	Sáng			Điểm	Chiều		Tổng điểm	Huy chương
					80mR	Đ.tạ	N. xa		N. cao	800m		
1	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	11.37	12.38m	6.36m	2173	1.88	2:12.19	3691	HCV
					878	629	666		696	822		
					878	629	666		696	822		
2	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	11.42	9.82m	6.59	2064	1.79	2:09.89	3535	HCB
					871	475	718		619	852		
					871	475	718		619	852		
3	429	Trần Tuấn Tú	12/01/2009	Hải Dương	11.30	9.77m	6.28m	2009	1.70	2:11.50	3384	HCD
					889	472	648		544	831		
					889	472	648		544	831		
4	268	Trương Công Tâm	20/08/2008	Đà Nẵng	11.82	11.42m	6.71m	2130	1.61m	2:15.92	3375	
					813	571	746		472	773		
					813	571	746		472	773		
5	211	Huỳnh Nguyễn Nhựt Quang	11/03/2009	Cần Thơ	11.57	8.09m	6.20m	1851	1.79m	2:14.82	3257	
					849	372	630		619	787		
					849	372	630		619	787		
6	852	Trần Thông	28/02/2008	Trà Vinh	11.27	11.32m	5.70m	1981	1.82m	2:28.99	3243	
					893	565	523		644	618		
					893	565	523		644	618		
7	267	Phan Đặng Thanh Triết	08/04/2008	Đà Nẵng	11.31	10.17m	6.03m	1975	1.64m	2:20.24	3191	
					886	496	593		496	720		
					886	496	593		496	720		
8	145	Lê Hồng Phong	25/03/2009	Bắc Ninh	11.57	10.48m	6.28m	2015	1.58m	2:25.42	3122	
					849	518	648		449	658		
					849	518	648		449	658		

TT	Số đo	Họ và tên	N.sinh	Đơn vị	Sáng			Điểm	Chiều		Tổng điểm	Huy chương
					80mR	Đ.tạ	N. xa		N. cao	800m		
9	427	Trương Đình Khánh	06/06/2008	Hải Dương	11.13	10.78m	5.75m	1980	1.58m	2:25.08	3092	
					914	533	533		449	663		
					914	533	533		449	663		
10	817	Trần Chí Bảo	21/02/2008	TP. Hồ Chí Minh	12.24	10.45m	5.93m	1841	1.82m	2:34.79	3039	
					755	515	571		644	554		
					755	515	571		644	554		
11	117	Phạm Minh Công	17/02/2008	Bắc Giang	12.14	9.17m	5.43m	1672	1.64m	2:08.86	3033	
					769	436	467		496	865		
					769	436	467		496	865		
12	135	Lâm Chí Vỹ	17/07/2009	Bạc Liêu	13.43	9.77m	6.11m	1680	1.79m	2:30.75	2897	
					598	472	610		619	598		
					598	472	610		619	598		
13	426	Phạm Xuân Tài	20/01/2008	Hải Dương	0	10.13m	6.08m	1097	1.67m	2:37.39	2143	
					0	493	604		520	526		
					0	493	604		520	526		
14	134	Nguyễn Nhật Tính	10/02/2009	Bạc Liêu	0	9.64m	5.38m	921	1.61m	0	1393	
					0	464	457		472	0		
					0	464	457		472	0		

KẾT QUẢ THI ĐẤU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025



100m - Nữ - Chung kết
2008-2009

KL U18 QG 12.16/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định 23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	12.09 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008	Nam Định	12.24	C1	HCB
3	556	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/02/2008	Nam Định	12.47	C1	HCD
4	335	Trần Thị Ngọc Trinh	19/05/2009	Đồng Tháp	12.72		
5	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	12.79		
6	255	Lục Phi Yến	10/11/2008	Công An Nhân Dân	12.97		
7	583	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009	Ninh Bình	12.99		
8	599	Lý Thị Thanh Trang	27/05/2008	Ninh Thuận	13.76		

100m - Nữ - Loại

Lứa tuổi 2008-2009

KL U18 QG 12.16/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định 23/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
8	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	12.27	C1	Q
3	556	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/02/2008	Nam Định	12.44	C1	Q
4	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	12.75		Q
5	335	Trần Thị Ngọc Trinh	19/05/2009	Đồng Tháp	12.85		Q
2	583	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009	Ninh Bình	13.00		Q
7	203	Đỗ Nguyễn Quỳnh Như	20/09/2009	Bình Thuận	13.59		
6	455	Bùi Thanh Vân	25/03/2009	Hòa Bình	13.61		
1	603	Bùi Thị Mai	29/01/2008	Phú Thọ	14.06		
		Đợt 2					
5	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008	Nam Định	12.44	C1	Q
1	255	Lục Phi Yến	10/11/2008	Công An Nhân Dân	12.85		Q
2	599	Lý Thị Thanh Trang	27/05/2008	Ninh Thuận	13.13		Q
3	711	Đoàn Hồng Ngọc	18/12/2009	Quảng Ninh	13.35		
6	440	Bùi Phương Thanh	09/04/2009	Hải Phòng	13.42		
8	829	Huỳnh Thanh Nhã	27/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	13.44		
4	830	Ngô Hà Linh	31/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	13.83		
7	484	Võ Thảo Vy	11/12/2008	Kiên Giang	FS		

200m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

24.50/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định

24/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	24.35 PKL Trẻ (U18) QG	KT	HCV
2	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008	Nam Định	25.18	C1	HCB
3	255	Lục Phi Yến	10/11/2008	Công An Nhân Dân	26.04		HCD
4	335	Trần Thị Ngọc Trinh	19/05/2009	Đồng Tháp	26.07		
5	583	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009	Ninh Bình	26.13		
6	599	Lý Thị Thanh Trang	27/05/2008	Ninh Thuận	26.47		
7	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	26.55		
8	711	Đoàn Hồng Ngọc	18/12/2009	Quảng Ninh	26.60		

200m - Nữ - Loại

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

24.50/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định

24/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
4	583	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009	Ninh Bình	26.69		Q
2	335	Trần Thị Ngọc Trinh	19/05/2009	Đồng Tháp	26.84		Q
1	711	Đoàn Hồng Ngọc	18/12/2009	Quảng Ninh	27.07		Q
6	829	Huỳnh Thanh Nhã	27/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	27.47		
5	455	Bùi Thanh Vân	25/03/2009	Hòa Bình	27.87		
7	203	Đỗ Nguyễn Quỳnh Như	20/09/2009	Bình Thuận	27.93		
3	830	Ngô Hà Linh	31/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	28.14		
		Đợt 2					
6	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	25.09	C1	Q
4	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008	Nam Định	25.88	C1	Q
7	255	Lục Phi Yến	10/11/2008	Công An Nhân Dân	26.63		Q
5	599	Lý Thị Thanh Trang	27/05/2008	Ninh Thuận	26.66		Q
2	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009	TP. Hồ Chí Minh	27.08		Q
3	440	Bùi Phương Thanh	09/04/2009	Hải Phòng	28.04		

400m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

57.45/Lê Thị Diễm Hằng/2007/Quảng Nam/2024/Bình Định

23/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
6	674	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/12/2009	Quảng Bình	59.85		HCB
2	181	Bùi Nguyễn Thanh Ngân	11/01/2009	Bình Dương	1:00.21		HCD
5	831	Chung Hạ My	26/07/2008	TP. Hồ Chí Minh	1:02.14		
4	304	Ngô Cẩm Ly	09/04/2009	Điện Biên	1:02.42		
3	188	Lương Thị Quốc Viện	16/09/2008	Nghệ An	1:05.24		

7	242	Bàn Mùi Chuổng	20/10/2009	Cao Bằng	1:09.86		
		Đợt 2					
3	882	Đồng Thị Hương	21/09/2009	Yên Bái	58.66	C1	HCV
2	678	Nguyễn Thị Vân	24/02/2008	Quảng Nam	1:00.96		
7	401	Trương Nguyễn Quỳnh	06/08/2009	Hà Tĩnh	1:04.70		
5	241	Bàn Thị Xuân	04/08/2009	Cao Bằng	1:05.66		
6	256	Nguyễn Thị Gia Nhi	21/01/2009	Công An Nhân Dân	1:06.04		
4	641	Đinh Yến Chi	24/08/2009	Quân Đội	1:08.63		

800m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

2:13.37/Vũ Thị Trà My/2007/Nam Định/2024/Malaysia

24/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	673	Trần Thị Loan	10/02/2009	Quảng Bình	2:27.39		HCV
2	456	Bùi Thị Kim Phượng	11/08/2009	Hòa Bình	2:29.24		HCB
3	761	Nguyễn Thị Mỹ	19/09/2009	Thái Bình	2:29.27		HCD
4	740	Hoàng Mai Ly	08/03/2009	Sơn La	2:30.84		
5	680	Trần Thị Thanh Lan	12/01/2009	Quảng Nam	2:31.55		
6	642	Phạm Thị Hoài Thương	11/10/2009	Quân Đội	2:32.76		
7	390	Phạm Kiều Trinh	22/01/2008	Hà Nội	2:32.95		
8	164	Đặng Thị Kiều Mãng	16/03/2008	Bình Định	2:34.63		
9	604	Nguyễn Mai Huyền	16/03/2009	Phú Thọ	2:36.73		
10	796	Trịnh Thị Bảo Ngọc	21/01/2009	Thanh Hóa	2:37.71		
11	389	Vũ Thanh Tâm	30/03/2009	Hà Nội	2:38.52		
12	504	Nông Thị Kiểm	22/08/2009	Lai Châu	2:40.19		
13	302	Thị Hà	08/05/2008	Đắk Nông	2:41.71		
14	301	Thị Ê Sô Ther	14/02/2009	Đắk Nông	DNS		
15	404	Nguyễn Thị Quyên	06/07/2009	Hà Tĩnh	DNS		

1500m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

4:41.20/Nguyễn Thị Diễm/2007/Thái Bình/2024/Malaysia

23/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	636	Trần Hồng Thúy	08/12/2008	Quân Đội	4:51.88		HCV
2	239	Lý Mùi Sâu	21/11/2008	Cao Bằng	4:54.47		HCB
3	503	Lò Thị Tươi	26/01/2009	Lai Châu	5:08.64		HCD
4	300	Phùng Mùi Chuổng	19/12/2009	Đắk Nông	5:17.52		
5	742	Hoàng Thị Châm	08/09/2008	Sơn La	5:25.33		
6	403	Nguyễn Thị Bảo Sinh	14/02/2009	Hà Tĩnh	5:41.33		
7	165	Phan Thị Bích Như	25/03/2009	Bình Định	5:45.61		
8	353	Vàng Thị Phứ	26/02/2009	Hà Giang	6:28.49		
9	352	Lù Thị Dương	24/11/2009	Hà Giang	6:46.25		
10	741	Quàng Diệp Hoài	26/04/2009	Sơn La	DNS		

5000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

17:58.74/Lương Thị Khan/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	522	Lương Thị Khan	06/01/2008	Lạng Sơn	17:22.29 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	238	Triệu Thị Bình	22/03/2008	Cao Bằng	17:23.05 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCB
3	299	Lã Đàm Huyền Trang	17/06/2009	Đắk Nông	18:11.88		HCD
4	502	Thảm Ngọc Nhi	17/01/2009	Lai Châu	18:48.92		
5	530	Phàn Thị Nguyệt	25/09/2009	Lào Cai	19:29.30		
6	706	Nguyễn Ngọc Hải Anh	02/11/2009	Quảng Ninh	19:45.33		
7	240	Hoàng Mùi Nhảy	07/02/2009	Cao Bằng	20:00.93		
8	739	Đèo Thị My	20/04/2009	Sơn La	20:33.60		
9	122	Nguyễn Hải Yên	01/10/2009	Bắc Giang	20:55.07		
10	402	Phạm Thị Thu Hiền	26/01/2009	Hà Tĩnh	21:09.72		
11	681	Hồ Thị Bích Trâm	08/08/2009	Quảng Nam	24:13.68		
12	682	Nguyễn Phạm Khánh Hiền	28/10/2009	Quảng Nam	24:28.86		
13	679	Nguyễn Thị Trúc Linh	12/12/2008	Quảng Nam	DNS		

100m rào (0,762m) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

14.80/Võ Thảo Vy/2008/Kiên Giang/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	484	Võ Thảo Vy	11/12/2008	Kiên Giang	14.34 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	556	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/02/2008	Nam Định	14.43 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	639	Đặng Ngọc Khánh	25/05/2009	Quân Đội	15.30		HCD
4	640	Bùi Thị Khánh Ngọc	07/06/2009	Quân Đội	16.80		

400m rào (0,762m) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

1:05.18/Danh Thị Thúy/2007/Kiên Giang/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	488	Y Hằng	01/01/2009	Kon Tum	1:07.06		HCV
2	109	Trần Gia Mẫn	12/07/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	1:10.75		HCB
3	400	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008	Hà Tĩnh	1:10.77		HCD

Đi bộ 3000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

16:19.58/Nguyễn Thị Thu Minh/2008/Hà Nội/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	387	Nguyễn Thị Thu Minh	08/03/2008	Hà Nội	15:32.58 PKL Trẻ (U18) QG	KT	HCV
2	297	Hà Anh Thư	15/01/2009	Đắk Lắk	17:50.62		HCB
3	609	Nguyễn Thị Linh Ly	05/04/2008	Phú Yên	17:52.96		HCD

4	697	Bùi Yến Ly	01/05/2009	Quảng Ngãi	17:52.97		
5	192	Trần Thị Hồng Sương	09/03/2009	Nghệ An	18:49.08		
6	881	Nguyễn Minh Anh	22/12/2009	Vĩnh Phúc	20:05.83		

Nhảy cao - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

1.71m/Mai Ngọc Ánh/2008/CAND/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	254	Mai Ngọc Ánh	06/08/2008	Công An Nhân Dân	1.72m PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	1.60m		HCB
3	638	Vì Thị Thu Thương	18/02/2009	Quân Đội	1.50m		HCD
4	804	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	02/11/2009	Tiền Giang	1.30m		

Nhảy xa - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

5.71m/Huỳnh Thúy Vy/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	336	Nguyễn Ngọc Như Ý	10/11/2009	Đồng Tháp	5.68m		HCV
2	874	Nguyễn Ngọc Duyên	26/09/2009	Vĩnh Long	5.33m		HCB
3	453	Bùi Thị Xuân	04/02/2009	Hòa Bình	5.31m		HCD
4	274	Trần Thị Thu Na	04/06/2008	Đà Nẵng	5.20m		
5	433	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	16/02/2009	Hải Dương	4.95m		
6	470	Phan Ngọc Dạ Thảo	23/08/2009	Khánh Hòa	4.63m		
7	584	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	14/02/2009	Ninh Bình	4.54m		

Nhảy 3 bước - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

12.08m/Châu Ngọc Quỳnh Anh/2007/Thừa Thiên Huế/2024/Bình Định

24/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	453	Bùi Thị Xuân	04/02/2009	Hòa Bình	11.96m		HCV
2	274	Trần Thị Thu Na	04/06/2008	Đà Nẵng	11.17m		HCB
3	470	Phan Ngọc Dạ Thảo	23/08/2009	Khánh Hòa	10.39m		HCD

Đẩy tạ (3kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

13.90m/Nguyễn Ngọc Khánh Băng/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	832	Phạm Dương Mai	02/06/2008	TP. Hồ Chí Minh	14.01m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	139	Bùi Ngọc Duy	11/04/2008	Bạc Liêu	13.82m		HCB
3	723	Nguyễn Thị Tâm Như	16/06/2009	Sóc Trăng	12.90m		HCD

Ném đĩa (1kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

33.91m/Nguyễn Thị Tâm Như/2009/Sóc Trăng/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	832	Phạm Dương Mai	02/06/2008	TP. Hồ Chí Minh	29.97m		HCV
2	139	Bùi Ngọc Duy	11/04/2008	Bạc Liêu	29.86m		HCB

3	723	Nguyễn Thị Tâm Như	16/06/2009	Sóc Trăng	28.07m		HCD
4	216	Châu Tiểu Phụng	31/08/2008	Cần Thơ	27.92m		
5	755	Nguyễn Ngọc Tuyên	15/11/2008	Tây Ninh	27.63m		

Ném lao (500gr) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi 2008-2009

KL U18 QG 39.50m/Lường Thị Hồng Diễm/2008/Sơn La/2024/Malaysia 24/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	743	Lường Thị Hồng Diễm	06/04/2008	Sơn La	43.93m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	216	Châu Tiểu Phụng	31/08/2008	Cần Thơ	41.66m PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	542	Trương Thị Tuyết Mai	07/02/2009	Long An	41.19m PKL Trẻ (U18) QG		HCD
4	523	Đặng Thị Lệ	18/11/2008	Lạng Sơn	40.21m PKL Trẻ (U18) QG		

Tiếp sức 4x100m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi 2008-2009

KL U18 QG 49.17/Trang-My-Q.Anh-Hà/Nam Định/2024/Bình Định 20/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	831	Chung Hạ My	26/07/2008	TP. Hồ Chí Minh	49.96	C1	HCV
	830	Ngô Hà Linh	31/07/2009				
	829	Huỳnh Thanh Nhã	27/03/2008				
	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009				
2	302	Thị Hà	08/05/2008	Đắk Nông	57.05		HCB
	301	Thị Ê Sơ Ther	14/02/2009				
	300	Phùng Mùi Chuổng	19/12/2009				
	299	Lã Đàm Huyền Trang	17/06/2009				
3	502	Thảm Ngọc Nhi	17/01/2009	Lai Châu	57.11		HCD
	507	Lò Thị Phương	39882				
	504	Nông Thị Kiểm	22/08/2009				
	503	Lò Thị Tươi	26/01/2009				

Tiếp sức 4x400m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi 2008-2009

KL U18 QG 4:00.10/Q.Anh-Hà-Trang-My/Nam Định/2024/Bình Định 19/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	388	Tạ Thanh Trà	14/12/2008	Hà Nội	4:17.17		HCV
	391	Nguyễn Khánh Linh	01/07/2009				
	390	Phạm Kiều Trinh	22/01/2008				
	389	Vũ Thanh Tâm	30/03/2009				
2	742	Hoàng Thị Châm	08/09/2008	Sơn La	4:18.27		HCB
	741	Quảng Diệp Hoài	26/04/2009				
	739	Đèo Thị My	20/04/2009				
	740	Hoàng Mai Ly	08/03/2009				

3	302	Thị Hà	08/05/2008	Đắk Nông	4:28.99		HCD
	301	Thị Ê Sơ Ther	14/02/2009				
	300	Phùng Mùi Chuổng	19/12/2009				
	299	Lã Đàm Huyền Trang	17/06/2009				

Tiếp sức 1200m-400m-800m-1600m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

13:52.69/Tuyên-Tâm-Trâm-Chi/Quảng Trị/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	239	Lý Mùi Sâu	21/11/2008	Cao Bằng	12:38.04 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
	241	Bàn Thị Xuân	04/08/2009				
	240	Hoàng Mùi Nhảy	07/02/2009				
	238	Triệu Thị Bình	22/03/2008				
2	742	Hoàng Thị Châm	08/09/2008	Sơn La	13:10.34 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
	741	Quảng Diệp Hoài	26/04/2009				
	740	Hoàng Mai Ly	08/03/2009				
	739	Đèo Thị My	20/04/2009				
3	403	Nguyễn Thị Bảo Sinh	14/02/2009	Hà Tĩnh	13:51.30 PKL Trẻ (U18) QG		HCD
	401	Trương Nguyễn Quỳnh	06/08/2009				
	400	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008				
	402	Phạm Thị Thu Hiền	26/01/2009				
4	681	Hồ Thị Bích Trâm	08/08/2009	Quảng Nam	14:06.33		
	678	Nguyễn Thị Vân	24/02/2008				
	680	Trần Thị Thanh Lan	12/01/2009				
	679	Nguyễn Thị Trúc Linh	12/12/2008				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x100m - Nam,Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

45.32/Hải-Việt-Hoàn-Thùy/Quân Đội/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	829	Huỳnh Thanh Nhã	27/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	45.72	C1	HCV
	828	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009				
	807	Ngô Võ Thanh Hùng	11/04/2008				
	806	Phạm Nguyễn Chí Hào	01/08/2009				
2	556	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/02/2008	Nam Định	45.73	C1	HCB
	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008				
	551	Phạm Xuân Khang	19/02/2009				
	552	Bùi Ngọc Minh Hưng	03/05/2009				
3	440	Bùi Phương Thanh	09/04/2009	Hải Phòng	46.41	C1	HCD
	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008				
	434	Trịnh Anh Tuấn	13/01/2008				
	436	Lương Trung Đức	02/07/2009				
4	256	Nguyễn Thị Gia Nhi	21/01/2009	Công An Nhân Dân	46.92		
	255	Lục Phi Yến	10/11/2008				
	247	Lưu Hoàng An	29/06/2008				
	248	Hù Triệu Vỹ	25/07/2009				

Tiếp sức hỗn hợp 4x400m - Nam,Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3:35.85/Toàn-Thúy-Tuần-My/Đội U18 QG/2024/Malaysia

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	551	Phạm Xuân Khang	19/02/2009	Nam Định	3:45.88		HCV
	556	Phạm Thị Quỳnh Anh	13/02/2008				
	554	Phạm Văn Chuyên	02/08/2009				
	555	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/2008				
2	615	Nguyễn Trường Hải	29/07/2009	Quân Đội	3:47.58		HCB
	640	Bùi Thị Khánh Ngọc	07/06/2009				
	621	Lường Anh Tùng	22/05/2009				
	642	Phạm Thị Hoài Thương	11/10/2009				
3	412	Mai Quang Giáp	05/02/2009	Hà Tĩnh	3:48.54		HCD
	402	Phạm Thị Thu Hiền	26/01/2009				
	411	Nguyễn Mạnh Hào	02/01/2009				
	401	Trương Nguyễn Quỳnh	06/08/2009				
4	663	Võ Xuân Hiệu	15/05/2009	Quảng Bình	3:50.96		
	673	Trần Thị Loan	10/02/2009				
	665	Nguyễn Anh Tuấn	19/03/2009				
	674	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/12/2009				
5	576	Phạm Tiến Đạt	14/10/2009	Ninh Bình	3:51.44		
	584	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	14/02/2009				
	573	Nguyễn Quốc Thịnh	15/09/2008				
	583	Ngô Thị Lan Anh	28/02/2009				
6	248	Hù Triệu Vỹ	25/07/2009	Công An Nhân Dân	4:08.02		
	256	Nguyễn Thị Gia Nhi	21/01/2009				
	247	Lưu Hoàng An	29/06/2008				
	255	Lục Phi Yến	10/11/2008				

Tiếp sức hỗn hợp 4x800m - Nam,Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

8:52.30/Đạt-Trà-Phiên-Điểm/Thái Bình/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	664	Dương Ngọc Linh	04/02/2009	Quảng Bình	8:48.48 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
	673	Trần Thị Loan	10/02/2009				
	666	Trần Bá Cường	10/02/2008				
	674	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/12/2009				
2	611	Giáp Huy Hoàng	23/01/2008	Quân Đội	9:10.99		HCB
	636	Trần Hồng Thúy	08/12/2008				
	625	Lương Đức Trung	29/08/2009				
	642	Phạm Thị Hoài Thương	11/10/2009				

3	494	Lò Văn Long	07/08/2009	Lai Châu	9:16.31		HCD
	502	Thảm Ngọc Nhi	17/01/2009				
	491	Bùi Tuấn Tú	07/01/2009				
	503	Lò Thị Tươi	26/01/2009				
4	417	Phan Đăng Khoa	02/01/2009	Hà Tĩnh	9:19.40		
	400	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008				
	416	Phạm Việt Quang	28/04/2009				
	403	Nguyễn Thị Bảo Sinh	14/02/2009				
5	158	Phan Hoàng Phát	02/03/2008	Bình Định	9:45.70		
	165	Phan Thị Bích Như	25/03/2009				
	160	Trần Dương Bảo Khánh	27/05/2009				
	164	Đặng Thị Kiều Măng	16/03/2008				

Tổng điểm 5 môn Phối hợp - Nữ

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	2916 điểm		HCV
2	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	2676 điểm		HCB
3	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	2553 điểm		HCD
4	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	2403 điểm		
5	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	2239 điểm		

75m rào - Nữ - 5 môn PH (1)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
7	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	11.27	852	
5	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	11.671	788	
3	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	11.678	788	
6	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	12.63	658	
4	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	12.96	614	

Nhảy xa - Nữ - 5 môn PH (2)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
2	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	4.96	548	
4	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	4.75	492	
3	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	4.73	487	
5	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	4.73	487	
1	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	4.41	406	

Đẩy tạ - Nữ - 5 môn PH (3)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
3	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	9.30	484	
1	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	9.01	465	
2	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	8.01	400	
4	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	7.56	371	
5	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	7.36	358	

Nhảy cao - Nữ - 5 môn PH (4)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
1	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	1.17m	284	
2	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	1.38m	491	
3	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	1.35m	460	
4	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	1.59m	724	
5	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	1.41m	523	

800m - Nữ - 5 môn PH (5)

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG

3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

24/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Điểm	Ghi chú
3	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	2:49.11	473	
2	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	2:52.92	434	
6	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	2:53.71	426	
4	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	2:54.71	416	
5	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	3:00.73	358	

BẢNG ĐIỂM NỘI DUNG 5 MÔN PHỐI HỢP
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19-24/06/2025

5 môn Phối hợp - Nữ - Lứa tuổi 2008-2009

Kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia: 3012 điểm/Đỗ Hà Mai Hiền/2007/Đà Nẵng/2024/Bình Định

TT	Số đeo	Họ và tên	N.sinh	Đơn vị	Sáng			Điểm	Chiều		Tổng điểm	Huy chương
					75mR	Đ.tạ	N. xa		N. cao	800m		
1	180	Danh Thị Trúc Hân	12/01/2009	Bình Dương	11.27	7.36m	4.96m	1758	1.59m	2:52.92	2916	HCV
					852	358	548		724	434		
					852	358	548		724	434		
2	637	Bùi Thị Huyền Trang	04/11/2009	Quân Đội	11.671	8.01m	4.75m	1680	1.41m	2:49.11	2676	HCB
					788	400	492		523	473		
					788	400	492		523	473		
3	275	Đặng Kiều Linh	28/01/2008	Đà Nẵng	11.678	7.56m	4.73m	1646	1.38m	2:54.71	2553	HCD
					788	371	487		491	416		
					788	371	487		491	416		
4	439	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/01/2008	Hải Phòng	12.96	9.30m	4.73m	1585	1.35m	3:00.73	2403	
					614	484	487		460	358		
					614	484	487		460	358		
5	217	Nguyễn Hoài Bảo Hân	11/01/2008	Cần Thơ	12.63	9.01m	4.41m	1529	1.17m	2:53.71	2239	
					658	465	406		284	426		
					658	465	406		284	426		

KẾT QUẢ THI ĐẤU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025



100m - Nam - Chung kết
2010-2011

10.90/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	249	Nguyễn Việt Anh	20/05/2010	Công An Nhân Dân	11.22		HCV
2	251	Lang Bình Minh	02/07/2010	Công An Nhân Dân	11.53		HCB
3	821	Deguchi Nhẫn	12/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	11.59		HCD
4	536	Lê Quang Sang	18/06/2010	Long An	11.74		
5	250	Lang Thành Vinh	30/04/2010	Công An Nhân Dân	11.75		
6	629	Nguyễn Hồng Sơn	19/05/2010	Quân Đội	12.10		
7	592	Đạo Anh Tùng	22/04/2010	Ninh Thuận	12.12		
8	581	Vũ Xuân Thuận	24/06/2010	Ninh Bình	FS		

100m - Nam - Loại

Lựa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

10.90/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

20/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
5	821	Deguchi Nhẫn	12/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	11.65		Q
3	251	Lang Bình Minh	02/07/2010	Công An Nhân Dân	11.75		Q
2	536	Lê Quang Sang	18/06/2010	Long An	11.79		Q
7	250	Lang Thành Vinh	30/04/2010	Công An Nhân Dân	12.08		Q
6	592	Đạo Anh Tùng	22/04/2010	Ninh Thuận	12.22		Q
4	628	Quách Minh Phú	06/07/2010	Quân Đội	12.49		
8	201	Lê Hải Đăng	22/09/2010	Bình Thuận	12.65		
		Đợt 2					
7	249	Nguyễn Việt Anh	20/05/2010	Công An Nhân Dân	11.62		Q
5	629	Nguyễn Hồng Sơn	19/05/2010	Quân Đội	12.06		Q
4	581	Vũ Xuân Thuận	24/06/2010	Ninh Bình	12.37		Q
3	212	Nguyễn Minh Triết	09/01/2011	Cần Thơ	12.53		
2	458	Vũ Đức Thiện	28/02/2010	Hưng Yên	13.05		
6	787	Lương Tuấn Hưng	09/01/2010	Thanh Hóa	FS		

200m - Nam - Chung kết

Lựa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	249	Nguyễn Việt Anh	20/05/2010	Công An Nhân Dân	22.27 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	821	Deguchi Nhẫn	12/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	22.93		HCB

3	536	Lê Quang Sang	18/06/2010	Long An	23.31		HCD
4	628	Quách Minh Phú	06/07/2010	Quân Đội	23.51		
5	250	Lang Thành Vinh	30/04/2010	Công An Nhân Dân	23.67		
6	630	Nguyễn Tất Thành	29/03/2010	Quân Đội	23.71		
7	629	Nguyễn Hồng Sơn	19/05/2010	Quân Đội	24.09		
8	592	Đạo Anh Tùng	22/04/2010	Ninh Thuận	24.31		

200m - Nam - Loại

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định

19/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 2					
4	821	Deguchi Nhân	12/02/2011	TP. Hồ Chí Minh	23.27		Q
5	629	Nguyễn Hồng Sơn	19/05/2010	Quân Đội	24.07		Q
3	592	Đạo Anh Tùng	22/04/2010	Ninh Thuận	24.49		Q
1	250	Lang Thành Vinh	30/04/2010	Công An Nhân Dân	24.79		Q
2	732	Lò Văn Khánh	13/01/2010	Sơn La	24.93		
6	458	Vũ Đức Thiện	28/02/2010	Hưng Yên	26.99		
7	853	Trần Duy Khang	05/09/2010	Trà Vinh	DNS		
		Đợt 2					
6	249	Nguyễn Việt Anh	20/05/2010	Công An Nhân Dân	22.35 PKL Trẻ (U18) QG	C1	Q
4	628	Quách Minh Phú	06/07/2010	Quân Đội	23.54		Q
2	536	Lê Quang Sang	18/06/2010	Long An	23.60		Q
7	630	Nguyễn Tất Thành	29/03/2010	Quân Đội	23.71		Q
3	773	Nguyễn Chí Thành	24/01/2011	Thái Nguyên	25.09		
5	201	Lê Hải Đăng	22/09/2010	Bình Thuận	25.35		

400m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

48.77/Nguyễn Xuân Ân/2007/Hà Nội/2024/Bình Định

21/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
7	703	Đoàn Quốc Thái	21/02/2010	Quảng Ninh	52.69		HCD
2	467	Lê Dũng	09/04/2011	Khánh Hòa	53.35		
3	516	Hoàng Anh Hoàng	29/03/2010	Lạng Sơn	55.721		
5	824	Võ Hồ Quốc Huy	08/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	55.729		
6	144	Nguyễn Quý Tân	21/10/2011	Bắc Ninh	59.39		
4	379	Đỗ Thành Cương	02/07/2010	Hà Nội	1:00.65		
		Đợt 2					
2	252	Phạm Đức Tuyển	30/06/2010	Công An Nhân Dân	51.44		HCV
4	801	Huỳnh Thanh Trọng	07/09/2010	Tiền Giang	52.76		
7	420	Ngô Quốc Anh	04/01/2010	Hà Tĩnh	54.51		
6	538	Hồ Minh Tú	11/03/2011	Long An	55.29		

5	499	Hoàng Bảo Long	03/01/2010	Lai Châu	57.77		
3	823	Nguyễn Văn Phú	06/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	58.13		
		Đợt 3					
3	376	Ngô Hồng Quân	30/03/2010	Hà Nội	52.42		HCB
2	517	Đào Văn Trung	20/01/2010	Lạng Sơn	53.37		
6	822	Nguyễn Trần Gia Bảo	20/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	55.21		
4	580	Lê Nguyễn Đại Nghĩa	09/05/2011	Ninh Bình	56.20		
5	422	Trần Đức Tùng Lâm	12/08/2011	Hà Tĩnh	57.38		

800m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

1:55.10/Hoàng Trọng Phiên/2007/Thái Bình/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
6	162	Lê Huy Bảo	25/03/2010	Bình Định	2:07.88		HCD
3	553	Nguyễn Vũ Long	16/11/2010	Nam Định	2:08.77		
4	382	Nguyễn Văn Phi	06/09/2011	Hà Nội	2:08.79		
5	142	Nguyễn Văn Tâm	29/09/2010	Bắc Ninh	2:11.71		
7	421	Nguyễn Mạnh Hùng	05/03/2010	Hà Tĩnh	2:13.73		
2	660	Lê Chí Cường	07/09/2010	Quảng Bình	2:14.20		
1	284	Trịnh Quang Bình	08/05/2011	Đắk Lắk	2:18.09		
8	228	Đàm Trung Thành	02/09/2011	Cao Bằng	2:18.95		
		Đợt 2					
3	419	Nguyễn Văn Dân	18/02/2010	Hà Tĩnh	2:01.72		HCV
1	593	Kiều Minh Thiên	07/05/2010	Ninh Thuận	2:02.35		HCB
4	163	Trần Quyết Chiến	28/11/2010	Bình Định	2:11.89		
8	802	Hữu Quốc Hưng	15/03/2011	Tiền Giang	2:12.65		
6	140	Nguyễn Duy Hiếu	07/03/2011	Bắc Ninh	2:15.40		
7	459	Nguyễn Việt Quang	29/10/2011	Hưng Yên	2:24.66		
2	330	Võ Huỳnh Quốc Bảo	24/12/2010	Đồng Tháp	2:26.58		
5	225	Huân Kiên Cường	28/12/2011	Cao Bằng	2:45.73		

1500m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

4:08.63/Nguyễn Hoàng Thịnh/2007/Đồng Nai/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	378	Chu Hải Đăng	29/03/2010	Hà Nội	4:19.23		HCV
2	322	Nguyễn Xuân Toàn	12/06/2010	Đồng Nai	4:20.50		HCB
3	846	Lê Văn Khánh Hưng	23/04/2011	TP. Huế	4:21.03		HCD
4	578	Trịnh Công Huy	03/01/2010	Ninh Bình	4:24.79		
5	857	Nguyễn Bá Thông	26/05/2010	Tuyên Quang	4:31.34		
6	661	Nguyễn Hoàng Luân	03/08/2011	Quảng Bình	4:33.89		
7	515	Hoàng Đức Trọng	18/02/2010	Lạng Sơn	5:01.57		

8	518	Liêu Khải Minh	16/03/2010	Lạng Sơn	5:05.53		
9	120	Đỗ Minh Hiếu	24/11/2010	Bắc Giang	5:06.71		

3000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi 2010-2011

KL U18 QG 8:55.00/Nguyễn Hoàng Thịnh/2007/Đồng Nai/2024/Malaysia 19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	626	Ly Hoàng Thái	14/01/2010	Quân Đội	9:18.26		HCV
2	627	Đồng Minh Hải	01/02/2010	Quân Đội	9:31.65		HCB
3	662	Phạm Tuấn Kiệt	27/09/2011	Quảng Bình	9:37.72		HCD
4	321	Nguyễn Hà Minh Duy	20/06/2010	Đồng Nai	9:44.95		
5	498	Hà Văn Dương	16/08/2010	Lai Châu	10:39.67		
6	282	Phạm Văn Hưng	19/03/2010	Đắk Lắk	10:40.17		
7	273	Trần Công Minh Thịnh	09/10/2011	Đà Nẵng	10:41.48		
8	351	Lý Hồng Nghiêm	02/04/2010	Hà Giang	11:11.97		
9	283	Chu Đức Thiện	28/04/2010	Đắk Lắk	12:01.85		

Đi bộ 3000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi 2010-2011

KL U18 QG 14:39.48/Nguyễn Văn Viết Hùng/2010/Gia Lai/2024/Bình Định 20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	343	Nguyễn Văn Viết Hùng	30/04/2010	Gia Lai	14:20.83 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCV
2	564	Lê Văn Thịnh	11/03/2010	Nghệ An	14:39.26 PKL Trẻ (U18) QG	C1	HCB
3	772	Phạm Ngọc Khánh Hưng	28/09/2010	Thái Nguyên	14:46.85		HCD
4	381	Kiều Phùng Gia Huy	16/11/2010	Hà Nội	15:20.76		
5	272	Nguyễn Trí Dũng	06/03/2010	Đà Nẵng	15:29.32		
6	692	Đặng Gia Kiệt	06/09/2011	Quảng Ngãi	15:32.50		
7	693	Nguyễn Minh Thái	28/02/2011	Quảng Ngãi	16:34.42		
8	285	Mai Kiều Thanh Sang	20/01/2011	Đắk Lắk	17:28.27		
9	364	Đinh Gia Huy	07/01/2011	Hà Nam	17:33.30		
10	694	Đinh Huy Ti	15/03/2012	Quảng Ngãi	DNF		Kiểm tra

Nhảy cao - Nam - Chung kết

Lứa tuổi 2010-2011

KL U18 QG 1.93m/Nguyễn Hữu Tín/2008/Bạc Liêu/2024/Bình Định 24/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	733	Hoàng Thế Hạo	10/03/2010	Sơn La	1.84m		HCV
2	156	Hồ Thành Đạt	08/02/2010	Bến Tre	1.82m		HCB
3	800	Nguyễn Hoài Phước Thịnh	12/10/2010	Tiền Giang	1.78m		HCD
4	331	Nguyễn Minh Nghĩa	20/03/2011	Đồng Tháp	1.78m		
5	799	Ung Văn Lộc	04/01/2010	Tiền Giang	1.74m		
6	133	Trần Minh Toàn	21/02/2010	Bạc Liêu	1.66m		
7	582	Vũ Hoàng Anh	26/02/2011	Ninh Bình	1.63m		

8	214	Nguyễn Tấn Lộc	30/04/2011	Cần Thơ	1.63m		
9	631	Hoàng Tuấn Năng	17/12/2011	Quân Đội	1.60m		
10	212	Nguyễn Minh Triết	09/01/2011	Cần Thơ	1.55m		

Nhảy xa - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

6.80m/Võ Thành Đạt/2007/An Giang/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	853	Trần Duy Khang	05/09/2010	Trà Vinh	6.59m		HCV
2	380	Đặng Minh Sang	15/12/2010	Hà Nội	6.58m		HCB
3	787	Lương Tuấn Hưng	09/01/2010	Thanh Hóa	6.18m		HCD
4	732	Lò Văn Khánh	13/01/2010	Sơn La	6.10m		
5	581	Vũ Xuân Thuận	24/06/2010	Ninh Bình	6.00m		
6	447	Cao Cường Huy	17/02/2010	Hậu Giang	5.87m		
7	773	Nguyễn Chí Thành	24/01/2011	Thái Nguyên	5.78m		
8	825	Vương Văn Minh Lợi	23/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	5.64m		
9	251	Lang Bình Minh	02/07/2010	Công An Nhân Dân	5.62m		
10	601	Bùi Thiện Chí	12/01/2011	Phú Thọ	5.50m		
11	582	Vũ Hoàng Anh	26/02/2011	Ninh Bình	5.46m		
12	214	Nguyễn Tấn Lộc	30/04/2011	Cần Thơ	5.02m		

Đẩy tạ (5kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

14.80m/Phạm Văn Hiếu/2008/Đà Nẵng/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	360	Nguyễn Anh Quân	11/07/2010	Hà Nam	13.64m		HCV
2	541	Nguyễn Văn Phát	13/02/2010	Long An	13.56m		HCB
3	136	Lê Quốc Toàn	04/01/2010	Bạc Liêu	13.28m		HCD
4	826	Lê Văn Tấn Giang	22/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	13.18m		
5	771	Lục Quốc Vượng	26/09/2010	Thái Nguyên	13.04m		
6	311	Bùi Tấn Phát	19/02/2010	Đồng Nai	12.05m		
7	781	Lê Đức Thuận	30/08/2011	Thanh Hóa	11.28m		
8	451	Bùi Minh Quân	08/02/2011	Hòa Bình	11.26m		
9	785	Nguyễn Đức Nguyên	23/04/2010	Thanh Hóa	10.01m		

Ném đĩa (1kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

46.96m/Lê Văn Tấn Giang/2010/TP.HCM/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	826	Lê Văn Tấn Giang	22/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	51.94m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	136	Lê Quốc Toàn	04/01/2010	Bạc Liêu	45.74m		HCB
3	771	Lục Quốc Vượng	26/09/2010	Thái Nguyên	41.93m		HCD
4	360	Nguyễn Anh Quân	11/07/2010	Hà Nam	41.23m		
5	271	Trần Minh Toàn	17/06/2010	Đà Nẵng	39.95m		

6	717	Nguyễn Văn Trường	03/01/2010	Quảng Trị	38.06m		
7	785	Nguyễn Đức Nguyên	23/04/2010	Thanh Hóa	34.53m		
8	213	Vũ Đỗ Đại Dương	24/05/2010	Cần Thơ	30.73m		
9	781	Lê Đức Thuận	30/08/2011	Thanh Hóa	NM		

Ném lao (700gr) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

52.29m/Lò Văn Oanh/2008/Sơn La/2024/Kon Tum

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	731	Hoàng Nhật Anh	24/03/2010	Sơn La	56.87m PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	872	Lê Nguyễn Thanh Triều	28/03/2010	Vĩnh Long	43.41m		HCB
3	451	Bùi Minh Quân	08/02/2011	Hòa Bình	41.32m		HCD
4	213	Vũ Đỗ Đại Dương	24/05/2010	Cần Thơ	38.45m		
5	450	Bùi Xuân Trường	24/01/2010	Hòa Bình	36.84m		
6	717	Nguyễn Văn Trường	03/01/2010	Quảng Trị	32.66m		

KẾT QUẢ THI ĐẦU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025



100m - Nữ - Chung kết
2010-2011

KL U18 QG **12.16/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định** **20/6/2025**

TH	Số đo*	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	543	Nguyễn Ngọc Cẩm	25/05/2010	Long An	12.29	C1	HCV
2	128	Phan Bạch Trúc	26/01/2010	Bắc Kạn	12.83		HCB
3	754	Nguyễn Thị Như Ý	13/02/2010	Tây Ninh	12.89		HCD
4	314	Ngô Quỳnh Chi	05/02/2010	Đồng Nai	12.91		
5	847	Nguyễn Thị Công Thương	24/05/2010	TP. Huế	12.93		
6	489	Y Thùy Chi	08/06/2010	Kon Tum	13.003		
7	792	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010	Thanh Hóa	13.009		
8	834	Vũ Thị Hải Giang	21/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	13.28		

100m - Nữ - Loại

Lứa tuổi **2010-2011**

KL U18 QG **12.16/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định** **20/6/2025**

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
7	543	Nguyễn Ngọc Cẩm	25/05/2010	Long An	12.74		Q
3	128	Phan Bạch Trúc	26/01/2010	Bắc Kạn	12.90		Q
4	257	Hoàng Thị Huyền Trang	01/01/2011	Công An Nhân Dân	13.50		
5	790	Mai Thị Ngọc Anh	01/01/2010	Thanh Hóa	13.76		
6	833	Châu Mỹ Ngọc	17/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	13.83		
8	356	Trần Thị Hoàng Anh	30/09/2011	Hà Nam	13.89		
2	589	Trần Ngọc Diệp	08/01/2011	Ninh Bình	14.15		
		Đợt 2					
6	792	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010	Thanh Hóa	13.12		Q
7	847	Nguyễn Thị Công Thương	24/05/2010	TP. Huế	13.24		Q
8	305	Lù Thị Tâm	30/01/2010	Điện Biên	13.45		
5	607	Trần Phương Linh	16/12/2011	Phú Thọ	13.57		
4	544	Đào Thị Hòa Thuận	10/01/2011	Long An	13.82		
2	445	Vũ Hiền Lương	15/01/2010	Hải Phòng	14.30		
3	150	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	25/07/2011	Bắc Ninh	14.47		
		Đợt 3					
6	314	Ngô Quỳnh Chi	05/02/2010	Đồng Nai	13.12		Q
2	834	Vũ Thị Hải Giang	21/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	13.43		Q
3	645	Nguyễn Thị Hồng Quyên	13/06/2010	Quân Đội	13.74		
7	864	Lương Thị Dần	27/02/2010	Nghệ An	13.84		

4	454	Quách Thanh Mến	17/01/2010	Hòa Bình	13.99		
8	861	Phạm Xuân Mai	02/05/2010	Tuyên Quang	14.16		
5	264	Đinh Thu Trang	09/01/2010	Công An Nhân Dân	14.70		
		Đợt 4					
5	489	Y Thùy Chi	08/06/2010	Kon Tum	13.12		Q
6	754	Nguyễn Thị Như Ý	13/02/2010	Tây Ninh	13.25		Q
2	338	Châu Lê Huyền	03/01/2011	Đồng Tháp	13.54		
3	835	Lâm Nguyệt Khánh	28/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	14.13		
4	570	Nguyễn Thị Phương Sen	02/07/2011	Nghệ An	14.17		
7	258	Vũ Thị Kim Anh	05/10/2010	Công An Nhân Dân	14.27		

200m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

24.50/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	543	Nguyễn Ngọc Cẩm	25/05/2010	Long An	24.92	C1	HCV
2	128	Phan Bạch Trúc	26/01/2010	Bắc Kạn	26.15		HCB
3	792	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010	Thanh Hóa	26.20		HCD
4	489	Y Thùy Chi	08/06/2010	Kon Tum	26.21		
5	847	Nguyễn Thị Công Thương	24/05/2010	TP. Huế	26.36		
6	834	Vũ Thị Hải Giang	21/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	27.03		
7	257	Hoàng Thị Huyền Trang	01/01/2011	Công An Nhân Dân	27.04		
8	544	Đào Thị Hòa Thuận	10/01/2011	Long An	27.66		

200m - Nữ - Loại

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

24.50/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định

19/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
7	792	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010	Thanh Hóa	26.53		Q
4	847	Nguyễn Thị Công Thương	24/05/2010	TP. Huế	26.91		Q
2	545	Dương Thị Kim Anh	09/10/2010	Long An	27.57		
6	454	Quách Thanh Mến	17/01/2010	Hòa Bình	28.56		
3	570	Nguyễn Thị Phương Sen	02/07/2011	Nghệ An	28.85		
5	258	Vũ Thị Kim Anh	05/10/2010	Công An Nhân Dân	29.12		
1	861	Phạm Xuân Mai	02/05/2010	Tuyên Quang	29.38		
		Đợt 2					
3	489	Y Thùy Chi	08/06/2010	Kon Tum	26.21		Q
6	257	Hoàng Thị Huyền Trang	01/01/2011	Công An Nhân Dân	26.92		Q
4	834	Vũ Thị Hải Giang	21/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	26.97		Q
7	544	Đào Thị Hòa Thuận	10/01/2011	Long An	27.43		Q
1	607	Trần Phương Linh	16/12/2011	Phú Thọ	27.66		
5	150	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	25/07/2011	Bắc Ninh	28.60		

2	850	Võ Thị Ngọc Yến	08/01/2011	TP. Huế	FS		
		Đợt 3					
5	543	Nguyễn Ngọc Cẩm	25/05/2010	Long An	25.23	C1	Q
1	128	Phan Bạch Trúc	26/01/2010	Bắc Kạn	26.33		Q
2	356	Trần Thị Hoàng Anh	30/09/2011	Hà Nam	27.87		
7	864	Lương Thị Dần	27/02/2010	Nghệ An	28.15		
4	833	Châu Mỹ Ngọc	17/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	28.40		
3	644	Quách Thái Liên	20/03/2010	Quân Đội	28.69		
6	264	Đinh Thu Trang	09/01/2010	Công An Nhân Dân	29.69		

400m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

57.45/Lê Thị Diễm Hằng/2007/Quảng Nam/2024/Bình Định

21/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
2	875	Thạch Thị Sa Nan	02/11/2010	Vĩnh Long	59.01	C1	
3	865	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/09/2010	Nghệ An	59.06	C1	
5	405	Nguyễn Thị Thảo Quyên	02/01/2010	Hà Tĩnh	1:02.41		
1	643	Đinh Thị Huyền Vi	25/06/2010	Quân Đội	1:02.58		
7	762	Nguyễn Thị Huyền Anh	12/09/2011	Thái Bình	1:03.22		
4	294	Mai Nguyễn Tú Uyên	18/06/2010	Đắk Lắk	1:06.98		
6	884	Nịnh Thùy Trang	30/03/2011	Yên Bái	1:09.77		
		Đợt 2					
6	791	Nguyễn Ngọc Thảo My	10/05/2010	Thanh Hóa	57.62	C1	HCV
7	327	Bùi Thanh Thảo	10/12/2011	Đồng Nai	59.46		
4	707	Đặng Thị Liu Ly	13/06/2010	Quảng Ninh	1:02.53		
3	407	Dương Thị Thảo Ngân	02/04/2011	Hà Tĩnh	1:04.29		
5	866	Mạc Thị Thảo My	05/04/2011	Nghệ An	1:06.57		
2	883	Hoàng Thị Kim Nhẫn	20/02/2010	Yên Bái	1:11.43		
		Đợt 3					
7	753	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	29/06/2011	Tây Ninh	58.64	C1	HCB
5	392	Trần Phùng Phương Hoài	08/01/2010	Hà Nội	58.85	C1	HCD
3	836	Danh Thị Phương Uyên	31/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	1:05.59		
4	587	Tạ Huyền Trang	24/06/2010	Ninh Bình	1:06.42		
2	527	Lăng Thị Thúy Ngân	30/01/2011	Lạng Sơn	1:08.61		
6	885	Hà Thanh Mai	06/01/2011	Yên Bái	1:12.01		

800m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

2:13.37/Vũ Thị Trà My/2007/Nam Định/2024/Malaysia

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	669	Nguyễn Thị Thiên Nga	20/04/2011	Quảng Bình	2:22.80		HCD

2	710	Đỗ Thị Thùy Dung	21/04/2011	Quảng Ninh	2:23.48		
3	837	La Minh An	26/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	2:24.48		
4	738	Lò Thị Thùy Trang	10/11/2011	Sơn La	2:32.34		
5	406	Đặng Thị Kim Loan	02/02/2010	Hà Tĩnh	2:40.45		
6	234	Chu Thị Ánh Thư	28/01/2010	Cao Bằng	2:47.19		
7	167	Trần Thị Diễm My	06/05/2010	Bình Định	2:51.79		
8	113	Trần Thị Hồng Ngọc	24/04/2011	Bà Rịa - Vũng Tàu	2:56.85		
9	508	Vàng Thị Nghiệp	02/02/2010	Lai Châu	3:07.04		
		Đợt 2					
1	670	Hoàng Lê Quỳnh Như	15/02/2010	Quảng Bình	2:19.52		HCV
2	277	Trần Mai Bảo Ngọc	27/09/2010	Đà Nẵng	2:22.35		HCB
3	708	Trần Thị Thùy Linh	03/04/2010	Quảng Ninh	2:23.56		
4	557	Vũ Thị Thu Huyền	18/11/2011	Nam Định	2:25.70		
5	794	Trương Thảo Nguyên	06/12/2011	Thanh Hóa	2:26.97		
6	168	Lê Bình Phương Tuyết	08/01/2011	Bình Định	2:28.84		
7	598	Phan Phương Quỳnh	04/10/2010	Ninh Thuận	2:44.07		
8	671	Phạm Thúy Kiều	19/04/2011	Quảng Bình	2:44.38		
9	346	Bùi Thị Thảo Loan	06/12/2011	Gia Lai	2:47.33		
10	713	Lý Hồng Khuyên	16/02/2011	Quảng Ninh	2:52.88		

1500m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

4:41.20/Nguyễn Thị Diễm/2007/Thái Bình/2024/Malaysia

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	672	Tường Khánh Băng	06/01/2011	Quảng Bình	4:47.77		HCV
2	602	Trần Mùi Mùi	26/01/2011	Phú Thọ	4:59.63		HCB
3	357	Đỗ Thị Hải Yến	01/02/2010	Hà Nam	5:03.74		HCD
4	233	Lý Mùi Ghền	06/12/2010	Cao Bằng	5:06.87		
5	651	Nguyễn Kim Ngân	18/09/2010	Quân Đội	5:12.52		
6	169	Trần Võ Bích Trâm	25/04/2011	Bình Định	5:18.16		
7	793	Vi Thị Thùy Trang	12/03/2010	Thanh Hóa	5:20.11		
8	232	Đặng Thị Thiên	12/01/2010	Cao Bằng	5:20.82		
9	525	Dương Thị Thanh	16/01/2010	Lạng Sơn	5:22.12		
10	765	Nguyễn Minh Tâm	06/12/2010	Thái Bình	5:22.81		
11	345	Cao Thị Huyền Trang	01/11/2011	Gia Lai	5:26.60		
12	588	Phan Nguyệt Ánh	10/06/2011	Ninh Bình	5:28.79		
13	295	Vương Thị Phẹn	18/11/2010	Đắk Lắk	5:29.40		
14	231	Hoàng Thị Lan	01/04/2010	Cao Bằng	5:43.27		
15	652	Thần Thị Doanh	10/02/2011	Quân Đội	5:48.72		
16	531	Lục Bảo Trâm	13/08/2010	Lào Cai	5:48.84		

3000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

10:18.88/Lương Thị Khan/2008/Lạng Sơn/2024/Malaysia

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	648	Ly Ngọc Hà	10/09/2010	Quân Đội	10:39.02		HCV
2	526	Dương Thị Quỳnh	05/04/2011	Lạng Sơn	10:46.79		HCB
3	296	H' Nguyệt Niê	23/03/2011	Đắk Lắk	11:07.35		HCD
4	230	Lục Thị Huệ	02/12/2011	Cao Bằng	11:23.90		
5	650	Giàng Ngọc Dung	21/01/2010	Quân Đội	11:28.27		
6	649	Lê Văn Anh	15/11/2010	Quân Đội	11:49.57		
7	408	Nguyễn Thị Phương Phương	20/11/2011	Hà Tĩnh	11:51.89		
8	505	Tần Xa Vân	29/11/2010	Lai Châu	12:00.39		
9	359	Lê Hồng Ngọc	16/08/2011	Hà Nam	12:03.73		
10	166	Nguyễn Thị Diệu Duyên	02/12/2010	Bình Định	12:17.74		
11	129	Hoàng Diệp Xiêm	05/08/2011	Bắc Kạn	12:27.08		
12	683	Nguyễn Thị My	15/06/2010	Quảng Nam	12:33.72		
13	608	Phạm Ngọc Bảo Nhi	12/01/2010	Phú Yên	12:38.23		
14	237	Vàng Thị Dật	07/11/2010	Cao Bằng	12:38.42		
15	229	Sùng Yến Nhi	22/07/2011	Cao Bằng	12:42.09		
16	506	Lường Lê Quyên	15/03/2010	Lai Châu	12:57.02		
17	123	Phạm Thị Hồng Hạnh	13/11/2011	Bắc Giang	DNF		

Đi bộ 2000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

11:06.87/Trương Thị Bảo Anh/2010/Đà Nẵng/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	571	Nguyễn Thị Thanh Trà	20/07/2011	Nghệ An	10:48.30 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	276	Trương Thị Bảo Anh	01/12/2010	Đà Nẵng	10:50.77 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	278	Nguyễn Thị Thanh Lương Liên	19/03/2011	Đà Nẵng	11:11.20		HCD
4	393	Nguyễn Thị Anh Thơ	04/12/2010	Hà Nội	11:17.58		
5	344	Rơ Châm Ngạn	15/03/2010	Gia Lai	12:39.19		
	776	Hoàng Thị Thanh Nhân	17/07/2010	Thái Nguyên	DNS		
	348	H'Na	11/01/2013	Gia Lai	13:37.76		Kiểm tra

Nhảy cao - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

1.71m/Mai Ngọc Ánh/2008/CAND/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	838	Nguyễn Hoài Thư	18/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	1.64m	C1	HCV
2	839	Nguyễn Thị Kim Nguyên	25/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	1.58m		HCB
3	137	Thái Cẩm Nhung	22/01/2010	Bạc Liêu	1.54m		HCD
4	337	Võ Lê Thụy Thúy Vy	10/06/2010	Đồng Tháp	1.52m		

5	855	Thạch Thị Quế Thu	09/02/2011	Trà Vinh	1.25m		
6	220	Châu Ngọc Như Ý	22/10/2011	Cần Thơ	1.15m		
	259	Điêu Thị Hà Nhi	08/01/2011	--	1.54m		Kiểm tra

Nhảy xa - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

5.71m/Huỳnh Thúy Vy/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	314	Ngô Quỳnh Chi	05/02/2010	Đồng Nai	5.32m		HCV
2	473	Trần Thị Ngọc Mỹ	23/01/2011	Khánh Hòa	5.28m		HCB
3	790	Mai Thị Ngọc Anh	01/01/2010	Thanh Hóa	5.17m		HCD
4	316	Nguyễn Ngọc Như Bảo	28/04/2011	Đồng Nai	5.08m		
5	745	Lò Thị Kiều Phương	23/08/2010	Sơn La	5.01m		
6	589	Trần Ngọc Diệp	08/01/2011	Ninh Bình	4.61m		
7	219	Đoàn Thị Yến Nhi	13/06/2010	Cần Thơ	4.37m		
8	855	Thạch Thị Quế Thu	09/02/2011	Trà Vinh	4.32m		
9	850	Võ Thị Ngọc Yến	08/01/2011	TP. Huế	4.25m		
10	220	Châu Ngọc Như Ý	22/10/2011	Cần Thơ	4.20m		
	182	Lê Ngọc Khánh Huyền	24/03/2011	Bình Dương	DNS		
	259	Điêu Thị Hà Nhi	08/01/2011	--	5.02m		Kiểm tra

Đẩy tạ (3kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

13.90m/Nguyễn Ngọc Khánh Băng/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	549	Đặng Thị Phương Trúc	23/06/2010	Long An	11.94m		HCV
2	725	Thạch Thị Minh Thư	01/10/2011	Sóc Trăng	10.84m		HCB
3	724	Thạch Thị Ngọc Trinh	05/03/2010	Sóc Trăng	10.56m		HCD
4	524	Triệu Thị Khánh Huyền	02/05/2010	Lạng Sơn	10.39m		
5	876	Ngô Gia Hân	27/04/2011	Vĩnh Long	10.20m		
6	854	Sơn Thị Hiếu	04/02/2011	Trà Vinh	9.67m		
7	886	Phạm Thu Hường	05/02/2011	Yên Bái	9.07m		
8	798	Hà Thị Lệ Quyên	05/03/2010	Thanh Hóa	8.47m		
9	315	Nguyễn Vàng Ánh Ngọc	17/02/2010	Đồng Nai	6.12m		

Ném đĩa (1kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

33.91m/Nguyễn Thị Tâm Như/2009/Sóc Trăng/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	724	Thạch Thị Ngọc Trinh	05/03/2010	Sóc Trăng	30.66m		HCV
2	744	Lò Thị Trang	12/11/2010	Sơn La	27.87m		HCB
3	725	Thạch Thị Minh Thư	01/10/2011	Sóc Trăng	26.64m		HCD
4	876	Ngô Gia Hân	27/04/2011	Vĩnh Long	24.62m		
5	798	Hà Thị Lệ Quyên	05/03/2010	Thanh Hóa	24.43m		

6	218	Huỳnh Ngọc Diệp	11/03/2011	Cần Thơ	23.23m		
7	854	Son Thị Hiếu	04/02/2011	Trà Vinh	21.41m		
8	886	Phạm Thu Hường	05/02/2011	Yên Bái	21.31m		

Ném lao (500gr) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2010-2011

KL U18 QG

39.50m/Lường Thị Hồng Diễm/2008/Son La/2024/Malaysia

23/6/2025

TH	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	646	Đinh Kiều Trinh	03/03/2010	Quân Đội	39.47m		HCV
2	647	Phàn Thị Thúy Mai	01/05/2010	Quân Đội	35.69m		HCB
3	745	Lò Thị Kiều Phương	23/08/2010	Son La	35.37m		HCD
4	744	Lò Thị Trang	12/11/2010	Son La	35.16m		
5	219	Đoàn Thị Yên Nhi	13/06/2010	Cần Thơ	24.34m		
6	218	Huỳnh Ngọc Diệp	11/03/2011	Cần Thơ	24.28m		
7	138	Ngô Ngọc Sang	09/11/2011	Bạc Liêu	20.08m		
8	524	Triệu Thị Khánh Huyền	02/05/2010	Lạng Sơn	NM		

KẾT QUẢ THI ĐẦU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025



60m - Nam - Chung kết
2012-2013

KL U18 QG 7.73/Deguchi Nhấn/2011/TP.HCM/2024/Bình Định 19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	747	Bùi Thanh Văn	20/06/2012	Tây Ninh	7.38 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	486	Khổng Văn Mạnh	14/02/2012	Kon Tum	7.57 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	323	Nguyễn Văn Khôi	09/09/2013	Đồng Nai	7.581 PKL Trẻ (U18) QG		HCD
4	632	Nguyễn Văn Huy Bảo	17/02/2012	Quân Đội	7.587 PKL Trẻ (U18) QG		
5	424	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/2013	Hà Tĩnh	7.85		
6	803	Nguyễn Dương Văn Vỹ	30/04/2012	Tiền Giang	7.88		
7	483	Danh Minh Trí	04/01/2013	Kiên Giang	8.19		
8	540	Trương Gia Thuận	10/02/2012	Long An	8.47		

300m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi 2012-2013

KL U18 QG 39.60/Nguyễn Trần Tuấn Luận/2011/Long An/2024/Bình Định 21/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
		Đợt 1					
3	312	Lê Nguyên Long	02/02/2012	Đồng Nai	39.08 PKL Trẻ (U18) QG		HCD
5	110	Phạm Phú Lộc	23/02/2012	Bà Rịa - Vũng Tàu	39.27 PKL Trẻ (U18) QG		
1	126	Triệu Đức Minh	25/02/2012	Bắc Kạn	40.91		
6	481	Trần Thanh Nam	01/05/2012	Kiên Giang	41.66		
4	634	Dương Gia Huy	14/01/2013	Quân Đội	42.00		
7	718	Nguyễn Ngọc Hà	21/04/2012	Quảng Trị	44.31		
2	385	Lại Tuấn Nghĩa	27/07/2012	Hà Nội	45.85		
		Đợt 2					
3	539	Nguyễn Tuấn Hưng	22/03/2012	Long An	36.99 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
4	748	Nguyễn Thanh Phong	10/07/2012	Tây Ninh	38.99 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
1	423	Ngô Hoàng Hải	08/01/2012	Hà Tĩnh	41.43		
2	303	Vàng Gia Huy	25/03/2012	Điện Biên	42.60		
7	127	Đào Trọng Dương	04/01/2012	Bắc Kạn	44.93		
5	635	Ngô Minh Tuấn	01/07/2013	Quân Đội	44.98		
8	313	Đinh Quang Nhất	02/01/2013	Đồng Nai	46.89		
6	788	Trần Hà Minh An	07/07/2013	Thanh Hóa	1:03.68		

600m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

1:30.82/Hữu Quốc Hưng/2011/Tiền Giang/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	386	Nguyễn Phương Nam	16/02/2012	Hà Nội	1:33.00		HCB
2	227	Hoàng Khánh Minh	10/02/2012	Cao Bằng	1:34.45		HCD
3	859	Nịnh Tiến Đạt	13/08/2013	Tuyên Quang	1:34.78		
4	111	Lê Hoàng Thiên Ân	24/09/2012	Bà Rịa - Vũng Tàu	1:35.49		
5	281	Hà Minh Đức	05/12/2012	Đắk Lắk	1:37.82		
6	784	Hà Văn Hoan	21/02/2012	Thanh Hóa	1:38.21		
7	487	A Sun	07/01/2013	Kon Tum	1:38.55		
8	774	Hoàng Anh	21/01/2012	Thái Nguyên	1:45.51		
9	480	Trần Hạo Nam	22/06/2012	Kiên Giang	1:47.80		
10	719	Nguyễn Văn Sơn Long	12/06/2012	Quảng Trị	1:48.77		
11	121	Giáp Văn Thành	12/04/2012	Bắc Giang	1:50.57		
12	501	Nguyễn Việt Hoàng	13/04/2012	Lai Châu	1:57.24		
		Đợt 2					
1	759	Vũ Bá Thành Lộc	02/03/2012	Thái Bình	1:30.27 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	384	Phạm Trương Cao Sang	21/01/2012	Hà Nội	1:38.86		
3	438	Trần Trung Hiếu	16/08/2012	Hải Phòng	1:42.24		
4	775	Trần Hoàng Tuấn	06/03/2012	Thái Nguyên	1:42.62		
5	226	Hoàng Minh Tiến	03/03/2012	Cao Bằng	1:45.64		
6	633	Bùi Minh Quân	03/05/2012	Quân Đội	1:46.75		
7	786	Trịnh Huy Lộc	21/01/2013	Thanh Hóa	1:48.65		
8	112	Phạm Nhật Huy	09/05/2013	Bà Rịa - Vũng Tàu	1:49.55		
9	143	Nguyễn Đức Trường Giang	04/07/2012	Bắc Ninh	1:51.58		
10	500	Hoàng Nhật Nam	09/04/2012	Lai Châu	1:51.72		
11	482	Lâm Trường Thuận	13/04/2012	Kiên Giang	1:52.29		

Nhảy cao - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

1.93m/Nguyễn Hữu Tín/2008/Bạc Liêu/2024/Bình Định

21/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	827	Trần Quang Thế Anh	08/02/2012	TP. Hồ Chí Minh	1.66m		HCV
2	734	Tòng Hải Nam	02/01/2012	Sơn La	1.60m		HCB
3	333	Nguyễn Phan Huy Hoàng	13/02/2013	Đồng Tháp	1.30m		HCD
3	452	Bùi Thành Vương	14/08/2012	Hòa Bình	1.30m		HCD

Nhảy xa - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

6.80m/Võ Thành Đạt/2007/An Giang/2024/Bình Định

19/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	333	Nguyễn Phan Huy Hoàng	13/02/2013	Đồng Tháp	5.27m		HCV
2	385	Lại Tuấn Nghĩa	27/07/2012	Hà Nội	5.00m		HCB

3	860	Hoàng Minh Nhật	04/01/2013	Tuyên Quang	4.88m		HCD
4	215	Hồng Bảo Duy	30/01/2013	Cần Thơ	4.53m		
5	472	Bùi Tấn Huy	08/01/2012	Khánh Hòa	4.36m		
	873	Nguyễn Minh Khánh	18/01/2013	Vĩnh Long	NM		
	424	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/2013	Hà Tĩnh	DNS		

Đẩy tạ (3kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi 2012-2013

KL U18 QG 12.91m/Bùi Minh Quân/2011/Hòa Bình/2024/Bình Định 20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	362	Nguyễn Gia Bảo	13/09/2012	Hà Nam	12.51m		HCV
2	519	Lý Hoàng Bảo	19/03/2012	Lạng Sơn	11.14m		HCB
3	334	Đỗ Văn Bin	13/02/2013	Đồng Tháp	10.47m		HCD
4	332	Châu Minh Phát	14/05/2012	Đồng Tháp	9.36m		
5	215	Hồng Bảo Duy	30/01/2013	Cần Thơ	8.23m		
6	452	Bùi Thành Vương	14/08/2012	Hòa Bình	7.42m		

KẾT QUẢ THI ĐẦU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NHÓM TUỔI TRẺ QUỐC GIA 2025

Lai Châu, từ ngày 19 - 24/6/2025

Lứa tuổi



60m - Nữ - Chung kết
2012-2013

KL U18 QG **8.13/Trần Thanh Hà/2012/TP.HCM/2024/Bình Định** **19/6/2025**

TT	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	841	Phan Thị Mai Trinh	29/07/2012	TP. Hồ Chí Minh	7.95 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	306	Vì Thị Thanh Hà	05/03/2012	Điện Biên	8.06 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	840	Trần Thanh Hà	24/03/2012	TP. Hồ Chí Minh	8.18		HCD
4	561	Phạm Quỳnh Anh	25/04/2012	Nam Định	8.25		
5	307	Lưu Quỳnh Anh	17/10/2012	Điện Biên	8.302		
6	654	Nguyễn Thị Trà My	03/02/2012	Quân Đội	8.304		
7	591	Bùi Thị Thu Hương	12/04/2012	Ninh Bình	8.308		
8	560	Trần Thị Hoàng Yến	17/02/2013	Nam Định	8.41		

60m - Nữ - Loại

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG **8.13/Trần Thanh Hà/2012/TP.HCM/2024/Bình Định** **19/6/2025**

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	841	Phan Thị Mai Trinh	29/07/2012	TP. Hồ Chí Minh	8.02 PKL Trẻ (U18) QG		Q
5	306	Vì Thị Thanh Hà	05/03/2012	Điện Biên	8.18		Q
3	561	Phạm Quỳnh Anh	25/04/2012	Nam Định	8.21		Q
6	752	Trương Lê Anh Thư	16/08/2012	Tây Ninh	8.43		
8	410	Trần Thị Bảo Ngọc	08/02/2013	Hà Tĩnh	8.50		
7	594	PiNăng Thị Khuyển	08/01/2013	Ninh Thuận	8.52		
2	148	Nguyễn Thị Tâm	09/04/2012	Bắc Ninh	8.607		
9	863	Nguyễn Hà Lượng	03/01/2013	Tuyên Quang	8.610		
4	260	Trương Thị Ngọc Loan	03/11/2012	Công An Nhân Dân	13.07		
		Đợt 2					
3	307	Lưu Quỳnh Anh	17/10/2012	Điện Biên	8.24		Q
6	654	Nguyễn Thị Trà My	03/02/2012	Quân Đội	8.31		Q
8	560	Trần Thị Hoàng Yến	17/02/2013	Nam Định	8.38		Q
1	851	Lê Thị Trà My	18/05/2013	TP. Huế	8.48		
7	261	Phạm Ngọc Ánh	03/07/2013	Công An Nhân Dân	8.69		
4	442	Lê Như Quỳnh	18/02/2013	Hải Phòng	8.95		
5	805	Nguyễn Thị Hồng Luyến	01/02/2012	Tiền Giang	9.76		
2	224	Lê Khánh Vân	19/03/2012	Cần Thơ	PQ		
9	309	Cà Thị Vy	13/11/2014	Điện Biên	8.74		Kiểm tra

		Đợt 3					
3	840	Trần Thanh Hà	24/03/2012	TP. Hồ Chí Minh	8.23		Q
7	591	Bùi Thị Thu Hương	12/04/2012	Ninh Bình	8.39		Q
1	653	Chu Thị Hương Trà	13/08/2012	Quân Đội	8.40		
6	279	Lê Nguyễn Cẩm Tiên	20/10/2012	Đà Nẵng	8.60		
2	339	Dương Thị Hoàng Quyên	10/02/2012	Đồng Tháp	8.62		
5	856	Kim Thị Hồng Hào	18/10/2013	Trà Vinh	9.02		
8	263	Đinh Thị Mỹ Lệ	25/10/2012	Công An Nhân Dân	9.11		
4	457	Quách Thị Hải Anh	18/05/2012	Hòa Bình	9.31		

300m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

43.20/Phạm Minh Hằng/2012/Thái Bình/2024/Bình Định

21/6/2025

Ô	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
2	397	Đinh Thị Phương Linh	13/01/2012	Hà Nội	42.22 PKL Trẻ (U18) QG		HCD
3	548	Nguyễn Thị Phương Thúy	16/06/2012	Long An	43.78		
1	668	Phạm Lan Anh	27/11/2012	Quảng Bình	44.99		
4	446	Lê Hoàng Gia Hân	01/01/2013	Hải Phòng	45.32		
7	606	Lê Minh Nguyệt	09/07/2012	Phú Thọ	46.39		
6	887	Lục Như Ngọc	13/07/2012	Yên Bái	48.95		
5	115	Phạm Khánh An	15/05/2013	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.98		
		Đợt 2					
7	546	Trần Thị Như Ý	09/08/2012	Long An	41.36 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
3	763	Phạm Minh Hằng	11/03/2012	Thái Bình	44.85		
4	395	Vũ Thiên Hương	18/01/2012	Hà Nội	45.37		
1	466	Trần Diễm Thùy	09/01/2013	Khánh Hòa	45.86		
6	149	Hoàng Thị Khánh Linh	23/02/2012	Bắc Ninh	48.11		
2	684	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26/04/2013	Quảng Nam	49.58		
5	659	Dương Thị Lan Anh	29/03/2013	Quân Đội	49.77		
		Đợt 3					
2	751	Nguyễn Thị Trà My	19/01/2012	Tây Ninh	41.67 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
7	398	Bùi Thanh Thủy	20/03/2012	Hà Nội	43.99		
1	656	Nguyễn Lê Vy	10/04/2013	Quân Đội	45.35		
3	326	Lê Trần Thiên Kim	19/05/2012	Đồng Nai	45.81		
6	465	Lê Thị Thanh Thư	27/02/2013	Khánh Hòa	46.51		
4	596	Đặng Thị Kim Điền	21/02/2012	Ninh Thuận	47.55		
8	779	Hoàng Thị Ngọc Thắm	14/08/2013	Thái Nguyên	47.90		
5	699	Đỗ Thị Thanh Trúc	03/01/2013	Quảng Ngãi	52.84		
		Đợt 4					
2	712	Nguyễn Mai Trang	28/08/2012	Quảng Ninh	43.63		

4	658	Quách Thị Ánh Dương	11/07/2013	Quân Đội	45.51		
1	441	Bùi Tú Phương	16/11/2012	Hải Phòng	46.02		
6	595	Mai Kim Phúc	13/07/2013	Ninh Thuận	47.41		
7	340	Phạm Minh Tuyết	11/09/2013	Đồng Tháp	47.69		
3	464	Lý Thủy Tiên	06/09/2013	Khánh Hòa	48.38		
5	867	Phạm Thảo Vân	08/04/2013	Tuyên Quang	52.33		
8	310	Lò Thị Uyên	03/02/2014	Điện Biên	52.44		Kiểm tra

600m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

1:41.67/Nguyễn Kim Thùy/2012/Long An/2024/Bình Định

19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
		Đợt 1					
1	146	Vũ Bạch Hà My	07/04/2013	Bắc Ninh	1:42.38		HCD
2	409	Trần Thị Phương Xuân	11/10/2012	Hà Tĩnh	1:44.25		
3	736	Hoàng Anh Thư	21/02/2013	Sơn La	1:44.38		
4	355	Trần Anh Đào	25/12/2012	Hà Nam	1:45.49		
5	124	Lương Ánh Tuyết	08/06/2012	Bắc Giang	1:46.08		
6	280	Đinh Thị Thanh Nhân	31/08/2013	Đà Nẵng	1:51.12		
7	714	Hồ Kim Uyên	14/07/2012	Quảng Ninh	1:51.26		
8	205	Phạm Khánh Băng	14/02/2012	Bình Thuận	1:51.62		
9	777	Hoàng Thị Ngọc Ánh	02/01/2012	Thái Nguyên	1:59.00		
10	444	Hoàng Thị Thanh Chúc	13/04/2013	Hải Phòng	1:59.69		
11	597	Nguyễn Thị Xinh	12/06/2012	Ninh Thuận	2:00.60		
12	862	Trần Đình Ngọc Ánh	17/09/2012	Tuyên Quang	2:02.00		
13	532	Vàng Anh Thư	12/08/2012	Lào Cai	2:03.29		
		Đợt 2					
1	547	Nguyễn Kim Thùy	14/04/2012	Long An	1:42.41		
2	720	Trần Thị Diệu Ly	18/04/2012	Quảng Trị	1:44.13		
3	308	Lò Thị Huyền Trang	19/08/2013	Điện Biên	1:44.18		
4	170	Đặng Thị Kim Ngân	09/02/2012	Bình Định	1:48.63		
5	347	Bùi Thị Kiều My	21/07/2012	Gia Lai	1:49.65		
6	399	Nguyễn Trà My	14/01/2012	Hà Nội	1:50.33		
7	130	Đặng Thị Kim Bền	15/02/2013	Bắc Kạn	1:51.46		
8	655	Hoàng Văn Anh	30/10/2012	Quân Đội	1:52.36		
9	778	Ma Thị Thùy Chi	11/08/2012	Thái Nguyên	1:54.74		
10	293	Đinh Thị Tú Quyên	12/07/2012	Đắk Lắk	1:56.26		
11	735	Hoàng Thùy Xuyến	21/06/2013	Sơn La	1:58.45		
12	235	Nông Khánh Ngọc	22/08/2012	Cao Bằng	2:10.25		
13	868	Nguyễn Thùy Trang	04/03/2013	Tuyên Quang	2:32.99		

		Đợt 3					
1	147	Trương Vũ Thanh Nga	26/10/2012	Bắc Ninh	1:39.99 PKL Trẻ (U18) QG		HCV
2	737	Lò Thị Ngọc Hân	09/02/2013	Sơn La	1:40.12 PKL Trẻ (U18) QG		HCB
3	358	Bùi Thị Phương An	25/10/2012	Hà Nam	1:42.79		
4	204	Hồ Quỳnh Trương	14/01/2012	Bình Thuận	1:45.17		
5	667	Nguyễn Dương Hoa Ly	05/10/2013	Quảng Bình	1:45.30		
6	764	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/07/2012	Thái Bình	1:48.56		
7	795	Nguyễn Thị Thu Huyền	08/01/2012	Thanh Hóa	1:48.87		
8	463	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	16/01/2012	Khánh Hòa	1:52.80		
9	590	Nguyễn Thanh Trúc	22/06/2012	Ninh Bình	1:53.17		
10	396	Lê Phương Thảo	05/06/2012	Hà Nội	1:54.59		
11	292	Lò Thị Mai Hương	15/03/2012	Đắk Lắk	1:56.63		
12	262	Nguyễn Thị Hiệp	31/03/2012	Công An Nhân Dân	2:03.03		

Nhảy cao - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

1.71m/Mai Ngọc Ánh/2008/CAND/2024/Bình Định

20/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	878	Vương Tạ Trúc Phương	12/03/2012	Vĩnh Long	1.52m		HCV
2	559	Nguyễn Thị Trà My	14/05/2012	Nam Định	1.46m		HCB
3	307	Lưu Quỳnh Anh	17/10/2012	Điện Biên	1.35m		HCD
4	223	Trần Thị Diễm Trinh	22/07/2012	Cần Thơ	1.35m		
5	746	Lò Thị Huyền Thư	13/07/2013	Sơn La	1.35m		
6	605	Lường Thị Hiền	17/02/2012	Phú Thọ	1.30m		
6	306	Vì Thị Thanh Hà	05/03/2012	Điện Biên	1.30m		
8	208	Bùi Bích Thùy	19/03/2012	Cà Mau	1.30m		
9	856	Kim Thị Hồng Hào	18/10/2013	Trà Vinh	1.25m		
10	842	Nguyễn Ngọc Lan Vy	22/05/2013	TP. Hồ Chí Minh	1.25m		
10	659	Dương Thị Lan Anh	29/03/2013	Quân Đội	1.25m		
12	457	Quách Thị Hải Anh	18/05/2012	Hòa Bình	1.20m		
13	443	Vũ Thị Thanh Trúc	14/05/2013	Hải Phòng	DNS		

Nhảy xa - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG

5.71m/Huỳnh Thúy Vy/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định

23/6/2025

TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	841	Phan Thị Mai Trinh	29/07/2012	TP. Hồ Chí Minh	5.13m		HCV
2	877	Huỳnh Ngọc Chăm	15/12/2012	Vĩnh Long	4.94m		HCB
3	279	Lê Nguyễn Cẩm Tiên	20/10/2012	Đà Nẵng	4.93m		HCD
4	558	Vũ Hoàng Yến	19/02/2012	Nam Định	4.86m		
5	561	Phạm Quỳnh Anh	25/04/2012	Nam Định	4.70m		
6	851	Lê Thị Trà My	18/05/2013	TP. Huế	4.54m		

7	148	Nguyễn Thị Tâm	09/04/2012	Bắc Ninh	4.49m		
8	591	Bùi Thị Thu Hương	12/04/2012	Ninh Bình	4.42m		
9	325	Trần Thị Diễm Trúc	11/03/2013	Đồng Nai	4.41m		
10	103	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	23/02/2013	An Giang	4.24m		
11	223	Trần Thị Diễm Trinh	22/07/2012	Cần Thơ	4.11m		
12	222	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/05/2013	Cần Thơ	4.03m		
13	443	Vũ Thị Thanh Trúc	14/05/2013	Hải Phòng	3.79m		
14	779	Hoàng Thị Ngọc Thắm	14/08/2013	Thái Nguyên	3.76m		
15	442	Lê Như Quỳnh	18/02/2013	Hải Phòng	3.75m		
16	410	Trần Thị Bảo Ngọc	08/02/2013	Hà Tĩnh	4.35m		

Đẩy tạ (3kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi 2012-2013

KL U18 QG 13.90m/Nguyễn Ngọc Khánh Băng/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định 20/6/2025

TT	Số đo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	354	Nguyễn Lê Ngọc Dương	17/01/2012	Hà Nam	11.63m		HCV
2	727	Võ Ngọc Mỹ Nhân	27/08/2012	Sóc Trăng	10.12m		HCB
3	221	Lê Ngọc Như Ý	06/04/2012	Cần Thơ	9.44m		HCD
4	728	Trang Hồng Như	21/03/2013	Sóc Trăng	9.27m		
5	797	Nguyễn Bích Phượng	13/11/2012	Thanh Hóa	9.25m		
6	888	Phùng Gia Hân	04/09/2013	Yên Bái	8.79m		
7	125	Linh Dương Phương Thảo	27/05/2012	Bắc Giang	8.47m		
8	222	Nguyễn Thị Huỳnh Như	07/05/2013	Cần Thơ	5.23m		

DANH SÁCH CÁC VẬN ĐỘNG VIÊN PHÁ KỶ LỤC TRẺ (U18) QUỐC GIA

Giải vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia năm 2025



Đi bộ 5000m - Nam - Chung kết

2008-2009

Lứa tuổi KL U18 QG 26:10.71/Trần Văn Đức/2008/Nghệ An/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	685	Nguyễn Thanh Hải	01/07/2008	Quảng Ngãi	24:48.15 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	1

104

Tiếp sức 4x400m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 3:22.32/Tú-Huy-V.Anh-Mạnh/CAND/2024/Bình Định 19/6/2025

Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
6	246	Đoàn Tuấn Minh	22/04/2008	Công An Nhân Dân	3:18.57 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	2
	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008				
	245	Tô Tuấn Tùng	08/01/2009				
	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008				

Nhảy cao - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2008-2009

KL U18 QG 1.93m/Nguyễn Hữu Tín/2008/Bạc Liêu/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	131	Nguyễn Hữu Tín	21/03/2008	Bạc Liêu	1.97m - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	3

600m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG 1:41.67/Nguyễn Kim Thùy/2012/Long An/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	147	Trương Vũ Thanh Nga	26/10/2012	Bắc Ninh	1:39.99 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	4

110

600m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG 1:30.82/Hữu Quốc Hưng/2011/Tiền Giang/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	759	Vũ Bá Thành Lộc	02/03/2012	Thái Bình	1:30.27 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	5

60m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG 7.73/Deguchi Nhấn/2011/TP.HCM/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	747	Bùi Thanh Văn	20/06/2012	Tây Ninh	7.38 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	6

60m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi

2012-2013

KL U18 QG 8.13/Trần Thanh Hà/2012/TP.HCM/2024/Bình Định 19/6/2025

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	841	Phan Thị Mai Trinh	29/07/2012	TP. Hồ Chí Minh	7.95 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	7

Đẩy tạ (3kg) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		13.90m/Nguyễn Ngọc Khánh Băng/2007/Vĩnh Long/2024/Bình Định					19/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	832	Phạm Dương Mai	02/06/2008	TP. Hồ Chí Minh	14.01m - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	8

200m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2011					
KL U18 QG		22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định					19/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	249	Nguyễn Việt Anh	20/05/2010	Công An Nhân Dân	22.27 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	9

Đi bộ 3000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2011					
KL U18 QG		14:39.48/Nguyễn Văn Viết Hùng/2010/Gia Lai/2024/Bình Định					20/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	343	Nguyễn Văn Viết Hùng	30/04/2010	Gia Lai	14:20.83 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	10

Đẩy tạ (5kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		14.80m/Phạm Văn Hiếu/2008/Đà Nẵng/2024/Bình Định					20/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	612	Nguyễn Văn Bảo Hường	13/09/2008	Quân Đội	17.38m - - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	11

400m rào (0,838m) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		54.67/Nguyễn Minh Tuấn/2007/Hà Tĩnh/2024/Bình Định					20/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	782	Quách Ngọc Minh	05/10/2008	Thanh Hóa	53.53 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	12

Tiếp sức 4x100m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		42.12/Thành-Quyết-Huy-Nguyên/CAND/2024/Bình Định					20/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	246	Đoàn Tuấn Minh	22/04/2008	Công An Nhân Dân	41.64- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	13
	244	Nguyễn Việt Anh	18/04/2008				
	245	Tô Tuấn Tùng	08/01/2009				
	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008				

Nhảy xa - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		6.80m/Võ Thành Đạt/2007/An Giang/2024/Bình Định					20/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	572	Đình Thế Hiếu	28/02/2008	Ninh Bình	6.81m - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	14

Đi bộ 3000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		16:19.58/Nguyễn Thị Thu Minh/2008/Hà Nội/2024/Bình Định					20/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Ghi chú	Ghi chú
1	387	Nguyễn Thị Thu Minh	08/03/2008	Hà Nội	15:32.58 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	15

Đi bộ 2000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2011					
KL U18 QG		11:06.87/Trương Thị Bảo Anh/2010/Đà Nẵng/2024/Bình Định					20/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	571	Nguyễn Thị Thanh Trà	20/07/2011	Nghệ An	10:48.30 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	16

5000m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		15:53.77/Dương Minh Hùng/2007/Quân Đội/2024/Bình Định					21/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	611	Giáp Huy Hoàng	23/01/2008	Quân Đội	15:53.12- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	17

300m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2012-2013					
KL U18 QG		43.20/Phạm Minh Hằng/2012/Thái Bình/2024/Bình Định					21/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
7	546	Trần Thị Như Ý	09/08/2012	Long An	41.36 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	18

300m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2012-2013					
KL U18 QG		39.60/Nguyễn Trần Tuấn Luận/2011/Long An/2024/Bình Định					21/6/2025
Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
3	539	Nguyễn Tuấn Hưng	22/03/2012	Long An	36.99 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	19

Ném đĩa (1,5kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		45.89m/Phan Văn Anh Kiệt/2007/Quảng Trị/2024/Bình Định					21/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	265	Phạm Văn Hiếu	02/06/2008	Đà Nẵng	48.86m- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	20

100m rào (0,762m) - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		14.80/Võ Thảo Vy/2008/Kiên Giang/2024/Bình Định					21/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	484	Võ Thảo Vy	11/12/2008	Kiên Giang	14.34- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	21

Tiếp sức 4x100m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2013					
KL U18 QG		49.17/Trang-My-Q.Anh-Hà/Nam Định/2024/Bình Định					21/6/2025
Ô	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
4	544	Đào Thị Hòa Thuận	10/01/2011	Long An	48.71- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	22
	545	Dương Thị Kim Anh	09/10/2010				
	546	Trần Thị Như Ý	09/08/2012				
	543	Nguyễn Ngọc Cẩm	25/05/2010				

Tiếp sức hỗn hợp 4x800m - Nam-Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		8:52.30/Đạt-Trà-Phiên-Điểm/Thái Bình/2024/Bình Định					21/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	664	Dương Ngọc Linh	04/02/2009	Quảng Bình	8:48.48- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	23
	673	Trần Thị Loan	10/02/2009				
	666	Trần Bá Cường	10/02/2008				
	674	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/12/2009				

5000m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		17:58.74/Lương Thị Khan/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định					23/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	522	Lương Thị Khan	06/01/2008	Lạng Sơn	17:22.29- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	24

100m - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		10.90/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định					23/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	10.69- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	25

100m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		12.16/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định					23/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	12.09- Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	26

Ném đĩa (1kg) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2011					
KL U18 QG		46.96m/Lê Văn Tấn Giang/2010/TP.HCM/2024/Bình Định					23/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	826	Lê Văn Tấn Giang	22/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	51.94 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	27

Ném lao (700gr) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2011					
KL U18 QG		52.29m/Lò Văn Oanh/2008/Sơn La/2024/Kon Tum					23/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	731	Hoàng Nhật Anh	24/03/2010	Sơn La	56.87m - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	28

5 môn Phối hợp - Nam

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		2787 điểm/Giang Văn Thụy/2008/Lạng Sơn/2024/Bình Định					23/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	780	Nguyễn Hữu Dương	16/04/2008	Thanh Hóa	3691 điểm - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	29

Ném lao (700gr) - Nam - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		52.29m/Lò Văn Oanh/2008/Sơn La/2024/Kon Tum					24/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	730	Lò Văn Oanh	06/05/2008	Sơn La	54.74 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	30

200m - Nam - Chung kết

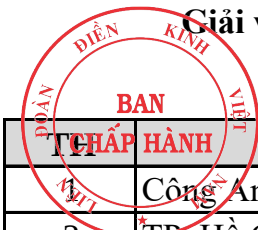
Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		22.36/Lâm Quang Huy/2008/CAND/2024/Bình Định					24/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	243	Lâm Quang Huy	04/05/2008	Công An Nhân Dân	21.28 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	31

200m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2008-2009					
KL U18 QG		24.50/Lê Thị Thảo/2009/Thanh Hóa/2024/Bình Định					24/6/2025
TH	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
1	789	Lê Thị Thảo	26/05/2009	Thanh Hóa	24.35 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	32

Tiếp sức 1200m-400m-800m-1600m - Nữ - Chung kết

Lứa tuổi		2010-2013					
KL U18 QG		13:52.69/Tuyền-Tâm-Trâm-Chi/Quảng Trị/2024/Bình Định					24/6/2025
TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Huy chương	Ghi chú
4	669	Nguyễn Thị Thiên Nga	20/04/2011	Quảng Bình	12:34.99 - Phá kỷ lục Trẻ (U18) quốc gia	HCV	33
	668	Phạm Lan Anh	27/11/2012				
	667	Nguyễn Dương Hoa Ly	05/10/2013				
	670	Hoàng Lê Quỳnh Như	15/02/2010				

BẢNG TỔNG SẮP HUY CHƯƠNG**Giải vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ quốc gia năm 2025****Lai Châu, từ ngày 15 - 25/06/2025**

	Đơn vị	HCV	HCB	HCD	Tổng
1	Công An Nhân Dân	10	2	1	13
2	TP. Hồ Chí Minh	9	3	4	16
3	Quân Đội	8	9	5	22
4	Long An	7	2	5	14
5	Hà Nội	6	8	5	19
6	Quảng Bình	6	1	4	11
7	Thanh Hóa	5	0	3	8
8	Sơn La	4	5	1	10
9	Bình Thuận	3	1	0	4
10	Hà Nam	3	0	2	5
11	Đồng Tháp	2	0	2	4
12	Đà Nẵng	1	5	3	9
13	Nam Định	1	5	1	7
14	Vĩnh Long	1	4	1	6
15	Tây Ninh	1	3	4	8
16	Bạc Liêu	1	3	2	6
17	Hà Tĩnh	1	2	5	8
18	Sóc Trăng	1	2	4	7
19	Đồng Nai	1	2	2	5
20	Cao Bằng	1	2	1	4
21	Nghệ An	1	2	0	3
21	Lạng Sơn	1	2	0	3
21	Kon Tum	1	2	0	3
24	Hòa Bình	1	1	4	6
25	Bình Dương	1	1	3	5
26	Ninh Bình	1	1	1	3
27	Thái Bình	1	0	2	3
28	Bắc Ninh	1	0	1	2
29	Quảng Ngãi	1	0	0	1
29	Gia Lai	1	0	0	1
29	Kiên Giang	1	0	0	1
29	Trà Vinh	1	0	0	1
29	Yên Bái	1	0	0	1
29	Bắc Giang	1	0	0	1
35	Đắk Lắk	0	3	3	6
36	Bắc Kạn	0	2	0	2
36	Bến Tre	0	2	0	2
38	Lai Châu	0	1	3	4
39	Đắk Nông	0	1	2	3
40	Điện Biên	0	1	1	2
40	Hải Phòng	0	1	1	2

TH	Đơn vị	HCV	HCB	HCD	Tổng
40	Quảng Ninh	0	1	1	2
40	Bình Định	0	1	1	2
40	Khánh Hòa	0	1	1	2
40	Cần Thơ	0	1	1	2
46	Phú Thọ	0	1	0	1
46	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	1	0	1
46	Ninh Thuận	0	1	0	1
49	Thái Nguyên	0	0	2	2
50	Tuyên Quang	0	0	1	1
50	TP. Huế	0	0	1	1
50	Phú Yên	0	0	1	1
50	Hải Dương	0	0	1	1
50	Tiền Giang	0	0	1	1
55	Quảng Trị	0	0	0	0
55	Quảng Nam	0	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0
55	Lâm Đồng	0	0	0	0
55	Vĩnh Phúc	0	0	0	0
55	Bình Phước	0	0	0	0
55	Cà Mau	0	0	0	0
55	Hà Giang	0	0	0	0
55	Hậu Giang	0	0	0	0
55	Hưng Yên	0	0	0	0
55	Lào Cai	0	0	0	0
	Tổng cộng:	86	86	87	259